

## TÓM TẮT HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

Vào ngày 4/10/2015, Bộ trưởng của 12 nước tham gia TPP gồm Úc, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ, và Việt Nam đã tuyên bố kết thúc đàm phán với kết quả là một Hiệp định có những tiêu chuẩn cao, tham vọng, toàn diện và cân bằng với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ tạo ra và duy trì việc làm; tăng cường đổi mới, năng suất, và sức cạnh tranh; nâng cao mức sống; giảm đói nghèo ở các nước ký kết; đồng thời thúc đẩy quản lý hiệu quả, minh bạch, bảo vệ người lao động, và bảo vệ môi trường. Chúng tôi kỳ vọng rằng việc ký kết TPP với các tiêu chuẩn cao mới cho thương mại và đầu tư tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ là một bước gần hơn đến mục tiêu cuối cùng là mở cửa thương mại và hội nhập cho toàn khu vực.

### NỘI DUNG CHÍNH

Có năm đặc điểm chính đã làm TPP trở thành một Hiệp định quan trọng của thế kỷ 21, đặt ra các tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu, đồng thời tiếp tục giải quyết các vấn đề của thời đại mới. Những đặc điểm đó bao gồm:

- Tiếp cận thị trường toàn diện. TPP đã xóa bỏ hoặc giảm thuế quan và các rào cản phi thuế quan một cách đáng kể đối với mua bán hàng hóa và dịch vụ, bao trùm một mảng lớn về thương mại, bao gồm hàng hóa, dịch vụ, và đầu tư nhằm tạo ra các cơ hội mới và lợi ích cho doanh nghiệp, công nhân, và người tiêu dùng của các nước ký kết.
- Cách tiếp cận các cam kết khu vực. TPP hỗ trợ sự phát triển sản xuất, chuỗi cung ứng, và thương mại liên mạch, tăng cường hiệu quả, tạo và hỗ trợ việc làm, nâng cao mức sống, tăng cường các nỗ lực bảo tồn, hỗ trợ hội nhập xuyên biên giới, cũng như mở cửa thị trường trong nước.
- Giải quyết các thách thức thương mại mới. TPP thúc đẩy sự đổi mới, năng suất, và tính cạnh tranh nhờ vào việc xem xét giải quyết các vấn đề mới, trong đó có phát triển kinh tế kỹ thuật số và vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế toàn cầu.
- Thương mại toàn diện. TPP bao gồm các yếu tố mới nhằm đảm bảo các nền kinh tế ở các mức độ phát triển khác nhau và các doanh nghiệp có quy mô khác nhau đều có thể đạt được lợi ích từ thương mại. Hiệp định bao gồm cam kết giúp đỡ các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu được Hiệp định, nắm bắt các cơ hội, và buộc chính quyền các nước tham gia TPP phải chú ý đến những thách thức đặc thù của mình. Hiệp định cũng bao gồm những cam kết cụ thể về phát triển và xây dựng năng lực thương mại để đảm bảo rằng tất cả các Bên có thể tuân thủ cam kết trong Hiệp định và tận dụng được những lợi ích.
- Nền tảng hội nhập khu vực. TPP được định hình như một nền tảng cho hội nhập kinh tế khu vực và nhắm đến cả những nền kinh tế khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

### Phạm vi áp dụng

- TPP bao gồm 30 chương về thương mại và các vấn đề liên quan đến thương mại, từ thương mại hàng hóa đến hải quan và trợ giúp thương mại; biện pháp vệ sinh dịch tễ; rào cản kỹ thuật đối với thương mại; biện pháp phòng vệ thương mại; đầu tư; dịch vụ; thương mại điện tử; mua sắm công; sở hữu trí tuệ; lao động; môi trường; các chương “ngang” nhằm mục đích đảm bảo TPP tận dụng được các tiềm năng về phát triển, năng lực cạnh tranh, và sự toàn diện; giải quyết tranh chấp, các điều khoản ngoại lệ, và điều khoản thi hành.
- Ngoài cập nhật các phương pháp truyền thông đối với vấn đề của các hiệp định thương mại tự do trước đây, TPP còn đưa vào các vấn đề thương mại mới và các vấn đề xuyên suốt, bao gồm các vấn đề liên quan đến Internet và nền kinh tế kỹ thuật số, sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước trong đầu tư và thương mại quốc tế, khả năng của các doanh nghiệp nhỏ để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại, và các chủ đề khác.
- TPP kết nối một nhóm gồm nhiều nước đa dạng về mặt địa lý, ngôn ngữ và lịch sử, kích thước và mức độ phát triển. Tất cả các nước ký kết TPP nhận thấy rằng sự đa dạng là một tài sản đặc thù, nhưng cũng đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ, xây dựng năng lực cho các nước TPP kém phát triển hơn, và phát triển năng lực để thực hiện những nghĩa vụ mới trong một số trường hợp trong thời gian chuyển tiếp đặc biệt và có cơ chế cho phép một số Bên thêm thời gian.

## **ĐẶT RA CÁC QUY ĐỊNH THƯƠNG MẠI TRONG KHU VỰC**

Dưới đây là tóm tắt của 30 chương trong TPP. Các bảng biểu và phụ lục được đính kèm các chương của Hiệp định liên quan đến thương mại hàng hóa và dịch vụ, đầu tư, mua sắm công, và tạm nhập cảnh cho doanh nhân. Ngoài ra, chương về doanh nghiệp nhà nước cũng bao gồm phụ lục về các quốc gia ngoại lệ cụ thể.

### **1. Quy định chung và các định nghĩa**

Nhiều Bên ký kết TPP (sau đây gọi là Bên) hiện đã có các thỏa thuận với nhau. Các quy định ban đầu và định nghĩa chung trong chương này thừa nhận rằng TPP có thể tồn tại song song với các thỏa thuận thương mại quốc tế giữa các Bên, bao gồm Hiệp định WTO, các hiệp định song phương và khu vực. Chương này cũng cung cấp định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong nhiều chương khác của Hiệp định.

### **2. Thương mại hàng hóa**

Các Bên đồng ý xóa bỏ và cắt giảm thuế quan và các rào cản phi thuế quan đối với hàng hóa công nghiệp, xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các chính sách hạn chế khác về hàng hóa nông nghiệp. Các tiếp cận ưu đãi được cung cấp thông qua TPP sẽ tăng cường thương mại giữa các quốc gia TPP trong một thị trường gồm 800 triệu người và sẽ hỗ trợ việc làm chất lượng cao trong tất cả 12 nước thành viên. Hầu hết việc loại bỏ thuế quan đối hàng công nghiệp sẽ được thực hiện ngay lập tức, mặc dù thuế đối với một số sản phẩm sẽ được loại bỏ theo một khung thời gian dài hơn như các Bên đã thỏa thuận. Việc cắt giảm thuế cụ thể theo thỏa thuận của các Bên có trong lịch trình bao gồm tất cả các mặt hàng. Các Bên sẽ công bố tất cả các sắc thuế và thông tin khác liên quan đến thương mại hàng hóa để đảm bảo rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các công ty lớn có thể tận dụng lợi thế của TPP. Các Bên cũng đồng ý không áp đặt

các yêu cầu bao gồm những điều kiện như tỷ lệ sản xuất của địa phương do một số nước áp đặt mà các công ty cần tuân thủ để có lợi ích thuế quan. Ngoài ra, các Bên cũng đồng ý không áp đặt các hạn chế và thuế không đồng nhất của WTO đối với nhập khẩu và xuất khẩu, bao gồm cả hàng hóa tái sản xuất – vốn sẽ thúc đẩy việc tái chế các bộ phận thành các sản phẩm mới. Các Bên giữ nguyên các yêu cầu về nhập khẩu hoặc giấy phép xuất khẩu sẽ thông báo cho nhau về các thủ tục để tăng tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy thương mại.

Các Bên sẽ loại bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và chính sách hạn chế khác đối với các sản phẩm nông nghiệp nhằm mục đích tăng cường thương mại nông nghiệp trong khu vực và tăng cường an ninh lương thực. Ngoài loại trừ hoặc cắt giảm thuế quan, các Bên đồng ý thúc đẩy cải cách chính sách, kể cả việc loại bỏ trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp, làm việc cùng nhau trong WTO để xây dựng quy định về doanh nghiệp xuất khẩu thương mại nhà nước, tín dụng xuất khẩu, và giảm thời gian hạn chế xuất khẩu lương thực để cải thiện an ninh lương thực trong khu vực. Các Bên cũng đã đồng ý tăng tính minh bạch và hợp tác trên một số hoạt động liên quan đến công nghệ sinh học nông nghiệp.

### **3. Dệt may**

Các Bên đồng ý xoá bỏ thuế quan đối với hàng dệt và may mặc, các ngành công nghiệp có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế tại thị trường của một số Bên. Hầu hết các sắc thuế sẽ được xoá bỏ ngay lập tức, mặc dù thuế đối với một số sản phẩm nhạy cảm sẽ được xoá bỏ trong khung thời gian dài hơn theo thỏa thuận của các Bên. Chương này cũng bao gồm các quy định cụ thể xuất xứ, trong đó có yêu cầu về việc sử dụng của các loại sợi và vải trong khu vực TPP nhằm thúc đẩy chuỗi cung ứng và đầu tư vào lĩnh vực này trong khu vực nhờ cơ chế áp dụng "danh sách ngăn các nhà cung cấp" cho phép việc sử dụng các loại sợi và vải nhất định vốn không có sẵn trong khu vực. Ngoài ra, chương này cũng bao gồm các cam kết về hợp tác hải quan và thực thi để ngăn chặn tình trạng trốn thuế, buôn lậu và gian lận, cũng như các biện pháp tự vệ đặc biệt đối với ngành dệt để ứng phó với thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng cho ngành công nghiệp trong nước trong trường hợp nhập khẩu ồ ạt.

### **4. Quy tắc xuất xứ**

Để cung cấp các quy tắc xuất xứ đơn giản, thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực, và giúp đảm bảo rằng các nước tham gia TPP là những Bên hưởng lợi chính của Hiệp định chứ không phải các nước khác, 12 Bên đã nhất trí về một bộ quy tắc xuất xứ để xác định liệu một hàng hóa cụ thể có xuất xứ từ TPP và do đó đủ điều kiện để nhận được ưu đãi thuế quan TPP. Các quy tắc xuất xứ cụ thể được đính kèm với toàn văn Hiệp định. TPP có quy định về "tích lũy", cho nên nói chung, nguyên liệu đầu vào từ một trong các nước ký kết được xem như nguyên vật liệu từ một nước ký kết khác nếu nguyên liệu đó được sử dụng để sản xuất ra một sản phẩm tại bất kỳ nước ký kết nào. Các Bên cũng đã đặt ra các quy tắc nhằm đảm bảo doanh nghiệp có thể dễ dàng hoạt động trên toàn khu vực TPP bằng cách tạo ra một hệ thống chung trong TPP cho phép hiển thị và xác minh hàng hoá sản xuất trong khu vực TPP đáp ứng các quy tắc xuất xứ. Nhà nhập khẩu sẽ có thể yêu cầu áp dụng ưu đãi thuế quan, miễn là họ có tài liệu chứng minh đủ điều kiện áp dụng. Ngoài ra, chương này cũng cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền các thủ tục để xác minh các yêu cầu này một cách thích hợp.

### **5. Hải quan và thuận lợi hóa thương mại**

Nhằm bổ sung cho các nỗ lực tạo thuận lợi cho thương mại khi gia nhập WTO, các Bên đã nhất trí về quy định tăng cường thuận lợi hóa thương mại, nâng cao tính minh bạch trong thủ tục hải

quan, và đảm bảo sự chính trực của cơ quan hải quan. Những quy định này sẽ giúp các doanh nghiệp thuộc TPP, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bằng cách khuyến khích việc đơn giản hóa thủ tục hải quan và thủ tục tại biên giới, và thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực. Các Bên đã nhất trí về các nguyên tắc minh bạch, bao gồm xuất bản quy định pháp luật về hải quan của mình, ban hành quy định về giải phóng hàng mà không có những trì hoãn không cần thiết, và quy định về khế ước hoặc 'thanh toán bắt buộc' nếu cơ quan nơi hải quan vẫn chưa có quyết định về số tiền thuế hoặc phí còn nợ. Các Bên đồng ý về quy tắc xác định trước trị giá hải quan và các vấn đề khác có thể giúp doanh nghiệp lớn nhỏ có thể dự đoán trước trong thương mại. Các Bên cũng đồng ý với các quy định về xử phạt trong lĩnh vực hải quan nhằm đảm bảo các chế tài được thực hiện một cách công bằng và minh bạch. Do tầm quan trọng của vận chuyển nhanh đối với các ngành kinh doanh bao gồm cả các công ty nhỏ và vừa, các nước TPP đã đồng ý thực hiện thủ tục hải quan rút gọn cho các lô hàng nhanh. Để giúp phòng chống buôn lậu và trốn thuế, các Bên đồng ý cung cấp thông tin khi được yêu cầu để giúp đỡ nhau thực thi pháp luật hải quan tương ứng của mình.

## **6. Biện pháp vệ sinh dịch tễ (VSDT)**

Khi xây dựng các quy định về VSDT, các Bên đã nêu mối quan tâm chung trong việc bảo đảm sự minh bạch, quy tắc không phân biệt đối xử dựa trên khoa học, và tái khẳng định quyền của các nước đối với việc bảo vệ con người và động thực vật ở nước mình. TPP được xây dựng dựa trên các quy tắc VSDT của WTO để xác định và quản lý rủi ro sao cho không có hạn chế thương mại quá mức cần thiết. Các Bên đồng ý cho phép công chúng đóng góp ý kiến về các biện pháp VSDT được đề xuất trong quá trình ra quyết định của mình, và để đảm bảo thương nhân hiểu các quy tắc mà họ cần tuân thủ. Các Bên đồng ý rằng các chương trình nhập khẩu được xây dựng dựa trên các rủi ro liên quan đến nhập khẩu, và việc kiểm tra ở khâu nhập khẩu được thực hiện mà không có những trì hoãn không cần thiết. Các Bên cũng nhất trí rằng các biện pháp khẩn cấp cần thiết để bảo vệ con người, động vật có thể được áp dụng với điều kiện nước thực hiện phải thông báo cho tất cả các Bên còn lại. Một nước khi áp dụng một biện pháp khẩn cấp sẽ rà soát cơ sở khoa học của biện pháp đó trong vòng sáu tháng và công bố kết quả cho các Bên khác theo yêu cầu. Ngoài ra, các Bên cam kết cải thiện việc trao đổi thông tin liên quan đến các yêu cầu về tương đương hoặc khu vực hóa các yêu cầu và thúc đẩy kiểm toán dựa trên các hệ thống để đánh giá tính hiệu quả về kiểm soát quy định của nước xuất khẩu. Trong nỗ lực nhanh chóng giải quyết các vấn đề VSDT phát sinh, các nước đã nhất trí thiết lập một cơ chế tham vấn giữa các chính phủ.

## **7. Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (RCKTTM)**

Trong quá trình xây dựng các quy định về RCKTTM, các Bên đã nhất trí về nguyên tắc minh bạch và không phân biệt đối xử trong việc phát triển các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, và quy trình đánh giá sự phù hợp, đồng thời vẫn cho phép các Bên theo đuổi những mục tiêu chính đáng của mình. Các Bên đồng ý hợp tác để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật này không tạo ra các rào cản không cần thiết đối với thương mại. Nhằm giảm chi phí cho các doanh nghiệp TPP, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, các Bên đồng ý với các quy định tạo thuận lợi cho việc chấp nhận các kết quả của quy trình đánh giá sự phù hợp từ các tổ chức đánh giá sự phù hợp của các nước TPP khác, tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty tiếp cận các thị trường TPP. Theo TPP, các Bên phải cho phép công chúng đóng góp ý kiến về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, và các thủ tục đánh giá sự phù hợp được đề xuất để thông báo cho các quy trình quản lý của mình và đảm bảo thương nhân hiểu các quy định mà họ sẽ cần phải tuân thủ. Các Bên cũng sẽ đảm bảo một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố các quy chuẩn kỹ thuật và quy

trình đánh giá sự phù hợp và thời điểm có hiệu lực của các quy chuẩn, quy trình này để doanh nghiệp có đủ thời gian để đáp ứng những yêu cầu mới. Ngoài ra, TPP có đính kèm các phụ lục liên quan đến quy định về những ngành cụ thể để thúc đẩy cách tiếp cận pháp lý chung trên toàn khu vực TPP. Các ngành này gồm mỹ phẩm, thiết bị y tế, dược phẩm, các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, rượu và thức uống chung cất, công thức độc quyền cho các loại thực phẩm đóng gói sẵn và phụ gia thực phẩm, và các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

## **8. Biện pháp phòng vệ thương mại**

Chương về biện pháp phòng vệ thúc đẩy tính minh bạch và quy trình chuẩn trong thủ tục tố tụng về phòng vệ thương mại thông qua việc công nhận các quy trình tốt nhất mà không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ các Bên trong khuôn khổ WTO. Chương này quy định một cơ chế tự vệ chuyên tiếp cho phép một Bên áp dụng một biện pháp tự vệ chuyên tiếp trong một khoảng thời gian nhất định khi nhập khẩu tăng do cắt giảm thuế quan theo TPP gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành công nghiệp trong nước. Những biện pháp này có thể được duy trì đến hai năm và có thể gia hạn một lần thêm một năm, nhưng phải dần dần tự do hóa nếu kéo dài hơn một năm. Các Bên áp dụng các biện pháp phòng vệ phải tuân thủ yêu cầu về thông báo và tham vấn. Chương này cũng đưa ra các quy định yêu cầu một Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp bồi thường theo thỏa thuận. Các Bên chỉ được phép áp dụng một trong những biện pháp bảo vệ được TPP cho phép đối với cùng một sản phẩm tại một thời điểm. Các Bên không được áp dụng một biện pháp tự vệ chuyên tiếp đối với bất kỳ sản phẩm nào nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan TPP, và có thể loại trừ các sản phẩm TPP ra khỏi một biện pháp phòng vệ trong khuôn khổ WTO nếu các sản phẩm nhập khẩu đó không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng.

## **9. Đầu tư**

Đối với việc thiết lập các quy tắc trong lĩnh vực đầu tư, các nước tham gia hiệp định TPP phải ban hành các chính sách đầu tư và các biện pháp bảo hộ trên cơ sở không phân biệt đối xử, đảm bảo nguyên tắc cơ bản trong việc bảo vệ pháp luật. Bên cạnh đó, các nước thành viên cũng phải bảo đảm các chính phủ thành viên sẽ đạt được các mục tiêu chính sách công theo đúng qui định. Hiệp định TPP quy định các nguyên tắc bảo hộ đầu tư cơ bản tương tự như các nguyên tắc trong các hiệp định liên quan đến đầu tư khác, bao gồm nguyên tắc đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; chuẩn mực ứng xử tối thiểu trong đầu tư phù hợp với các nguyên tắc luật pháp quốc tế; nghiêm cấm các hành vi thu hồi tài sản không phục vụ cho mục đích công, không đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định hoặc không thực hiện bồi thường; nghiêm cấm những yêu cầu về thực hiện như yêu cầu về hàm lượng nội địa hay nội địa hóa công nghệ; tự do chuyển giao nguồn vốn thực hiện đầu tư phù hợp với những điều khoản ngoại lệ quy định trong Hiệp định TPP nhằm đảm bảo các chính phủ thành viên được phép quản lý các dòng vốn vãng lai một cách linh hoạt thông qua các biện pháp bảo hộ tạm thời (như các biện pháp kiểm soát vốn) nhằm hạn chế hành vi chuyển vốn đầu tư trong trường hợp xảy ra khủng hoảng cán cân thanh toán hoặc những mối đe dọa, suy thoái kinh tế khác, cũng như nhằm bảo vệ tính thống nhất và ổn định của hệ thống tài chính; bảo đảm quyền tự chủ của các quốc gia thành viên trong việc bổ nhiệm các vị trí quản lý cao cấp.

Các nước thành viên của TPP phải ban hành các quy định về danh mục cấm để bảo đảm thị trường của các quốc gia luôn công khai đối với các nhà đầu tư ngoại, trừ trường hợp nhà đầu tư chấp nhận một điều khoản ngoại lệ (biện pháp không tương thích) nào đó được quy định tại một trong hai phụ lục cụ thể của từng quốc gia thành viên như sau: (1) các biện pháp hiện hành quy

định nước thành viên có nghĩa vụ không áp đặt thêm bất kỳ biện pháp chế tài nào khác trong tương lai cũng như tuân thủ thỏa thuận tự do hóa trong các hoạt động đầu tư sau này, và (2) các biện pháp và chính sách quy định nước thành viên có đầy đủ quyền tự quyết trong các hoạt động trong tương lai.

Chương này cũng đưa ra những quy định mang tính trung lập và minh bạch về vấn đề trọng tài quốc tế để giải quyết các tranh chấp liên quan đến đầu tư cùng với các biện pháp bảo hộ nghiêm ngặt nhằm ngăn chặn các tuyên bố vi phạm và không phù hợp với quy định cũng như nhằm bảo đảm quyền của mỗi chính phủ thành viên trong việc ban hành các quy định phục vụ cho những lợi ích công cộng, bao gồm quy định về y tế, an toàn và bảo vệ môi trường. Các biện pháp bảo hộ về quy trình, thủ tục bao gồm quy định về sự minh bạch trong thủ tục khởi kiện, tham gia tòa án với tư cách bạn của tòa án (amicus curiae), tham gia tòa án với tư cách không phải là Bên liên quan tranh chấp; xúc tiến quá trình xem xét các tuyên bố sai trái và thanh toán phí luật sư; minh bạch trong quy định về thủ tục xem xét một quyết định tạm thời; quy định ràng buộc để các nước TPP đạt được sự thông hiểu lẫn nhau; quy định thời hạn nộp đơn lên tòa; và các nguyên tắc không cho phép Bên nguyên đơn tham gia một vụ kiện tương tự và diễn ra song song với vụ kiện mà Bên đó đang tham gia.

## **10. Thương mại dịch vụ xuyên biên giới**

Xét thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của các dịch vụ trong quan hệ thương mại giữa các nước TPP, 12 quốc gia thành viên sẽ cùng nhau cam kết thực hiện thương mại tự do trong lĩnh vực này. Hiệp định TPP bao gồm những nghĩa vụ cốt lõi đã được thỏa thuận trong Hiệp định WTO and các hiệp định thương mại khác như nghĩa vụ đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc; gia nhập thị trường, trong đó quy định các quốc gia không phải thành viên của TPP có thể áp đặt những biện pháp chế tài việc cung cấp dịch vụ (chẳng hạn như giới hạn số lượng nhà cung cấp hoặc số lượng giao dịch) hoặc có thể yêu cầu quy định một hình thái tư cách pháp nhân đặc trưng hoặc liên doanh; và sự hiện diện của các yếu tố quốc nội, trong đó quy định không một quốc gia nào có thể yêu cầu nhà cung cấp từ quốc gia khác thành lập văn phòng hay chi nhánh, hoặc phải là đối tượng cư trú trong lãnh thổ của mỗi quốc gia để cung cấp dịch vụ. Các nước thành viên của TPP có nghĩa vụ ban hành các danh mục cấm để bảo đảm thị trường của các quốc gia luôn công khai đối với các nhà đầu tư ngoại, trừ trường hợp nhà đầu tư chấp nhận một điều khoản ngoại lệ (biện pháp không tương thích) nào đó được quy định tại một trong hai phụ lục cụ thể của từng quốc gia như sau: (1) các biện pháp hiện hành quy định các nước tham gia phải có nghĩa vụ không áp đặt thêm bất kỳ biện pháp chế tài nào khác trong tương lai cũng như tuân thủ thỏa thuận tự do hóa trong các hoạt động sau này, và (2) các lĩnh vực và chính sách quy định quốc gia thành viên có đầy đủ quyền tự quyết trong các hoạt động trong tương lai.

Các nước thành viên của TPP cũng sẽ thống nhất thực hiện các biện pháp áp dụng chung trên cơ sở đảm bảo tính hợp lý, khách quan và không thiên vị; chấp nhận các điều kiện về tính minh bạch trong triển khai các quy định liên quan đến các dịch vụ mới. Các quyền lợi nêu ra trong chương này có thể sẽ bị từ chối nhằm bảo vệ cho các công ty và nhà cung cấp dịch vụ do những Bên không phải là thành viên của TPP sở hữu có một vài giao dịch mà các nước TPP ngăn cấm thực hiện. Các nước TPP nhất trí thừa nhận việc chuyển vốn liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, chương này bao gồm phụ lục về các dịch vụ chuyên môn nhằm khuyến khích hoạt động hợp tác về công nhận qua việc cấp giấy phép và các vấn đề chính sách khác cũng như phụ lục về dịch vụ chuyển phát nhanh.

## **11. Dịch vụ tài chính**

Chương dịch vụ tài chính của TPP cung cấp nhiều cơ hội tiếp cận thị trường qua biên giới và đầu tư quan trọng nhưng vẫn đảm bảo rằng các nước TPP vẫn có đủ năng lực điều hành thị trường và các tổ chức tài chính cũng như thực hiện các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp khủng hoảng. Chương này bao gồm các nghĩa vụ cốt lõi tìm thấy trong các hiệp định thương mại khác, bao gồm đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; tiếp cận thị trường; và một vài quy định cụ thể của chương Đầu tư bao gồm Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu. Chương này cũng quy định việc cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới cho một nước TPP từ một nhà cung cấp của một nước TPP khác mà không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập cơ sở hoạt động tại một nước khác để bán các dịch vụ của mình nhưng phải phù hợp với quy định đăng ký hoặc ủy quyền cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một nước TPP khác nhằm đảm bảo cho công tác điều hành và giám sát phù hợp. Một nhà cung cấp dịch vụ của một nước TPP có thể cung cấp một dịch vụ tài chính mới tại thị trường của nước TPP khác nếu các công ty trong nước hoạt động tại thị trường này được phép cung cấp dịch vụ đó. Các nước thành viên của TPP phải ban hành quy định trường hợp ngoại lệ đối với một số quy tắc trong hai phụ lục đính kèm theo TPP phù hợp với điều kiện của từng nước: (1) các biện pháp hiện hành quy định Bên tham gia phải có nghĩa vụ không áp đặt thêm bất kỳ biện pháp chế tài nào khác trong tương lai cũng như tuân thủ thỏa thuận tự do hóa trong các hoạt động sau này, và (2) các biện pháp và chính sách quy định Bên tham gia có đầy đủ quyền tự quyết trong tương lai.

Các nước TPP cũng đặt ra các nguyên tắc công nhận chính thức tầm quan trọng của các quy trình thủ tục pháp lý nhằm khuyến khích việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp được cấp phép và các quy trình để đạt được mục tiêu này. Ngoài ra, Hiệp định TPP cũng đề cập đến các cam kết cụ thể về quản lý danh mục đầu tư, các dịch vụ thẻ thanh toán điện tử và chuyển giao thông tin để phục vụ mục đích xử lý dữ liệu.

Chương về các dịch vụ tài chính cũng qui định cách thức giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến một số điều khoản thông qua quy định trung lập và minh bạch về trọng tài đầu tư. Chương này cũng đưa ra những điều khoản cụ thể về các tranh chấp trong đầu tư liên quan đến tiêu chuẩn đối xử tối thiểu và các điều khoản yêu cầu các trọng tài phải có chuyên môn về các dịch vụ tài chính và các điều khoản về cơ chế đối xử đặc biệt giữa các quốc gia thành viên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định ngoại lệ mà từng quốc gia thành viên cần xem xét một cách thận trọng và các quy định ngoại lệ được đề cập trong chương này trong trường hợp phát sinh tranh chấp trong đầu tư. Cuối cùng, chương này cũng đề cập đến các trường hợp ngoại lệ trong việc bảo hộ quyền tự chủ của các nhà quản lý tài chính của các nước TPP, trong đó họ sẽ được quyền chủ động thực hiện các biện pháp củng cố tính ổn định tài chính và tính thống nhất của hệ thống tài chính của mình, bao gồm những quy định ngoại lệ mà các quốc gia thành viên xem xét một cách thận trọng và những quy định ngoại lệ về các biện pháp không phân biệt đối xử trong quá trình thiết lập và thực thi các chính sách tiền tệ hay các chính sách khác.

## **12. Nhập cảnh tạm thời cho doanh nhân**

Chương về nhập cảnh tạm thời cho doanh nhân khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền của các nước TPP cung cấp thông tin về hồ sơ đăng ký nhập cảnh tạm thời nhằm đảm bảo phí đăng ký ở mức hợp lý và đưa ra các quyết định về hồ sơ đăng ký và thông báo người nộp đơn đăng ký về kết quả giải quyết hồ sơ trong thời gian sớm nhất có thể. Các nước TPP thỏa thuận với nhau để đảm bảo thông tin liên quan đến các điều kiện nhập cảnh tạm thời luôn được công khai đến với toàn dân, trong đó bao gồm việc công bố thông tin sớm nhất hay nếu được thì có thể công bố qua mạng, song song đó phải cung cấp các tài liệu rõ ràng, dễ hiểu. Các nước TPP thỏa thuận tiếp tục

hợp tác về các vấn đề nhập cảnh tạm thời như hợp tác trong quá trình giải quyết hồ sơ xin thị thực. Hầu hết tất cả các nước TPP đã tham gia cam kết cho phép nhập cảnh của các doanh nhân của nước thành viên khác tùy thuộc vào các phụ lục của riêng từng nước.

### **13. Viễn thông**

Các nước TPP đều bày tỏ quan tâm đến việc đảm bảo tính hiệu quả và tin cậy của mạng viễn thông của mình. Các mạng này đóng vai trò quan trọng đối với các công ty cung cấp dịch vụ bất kể quy mô hoạt động lớn hay nhỏ. Các nhà cung cấp dịch vụ di động cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của các quy tắc truy cập mạng cạnh tranh hơn được thỏa thuận trong Hiệp định TPP. Các nước TPP cam kết đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn ở mỗi quốc gia sẽ cung cấp các dịch vụ kết nối, thuê dây dẫn truyền của nhau, cho thuê chỗ đặt máy chủ và được phép sử dụng cột phát tín hiệu và các trang thiết bị khác theo đúng với các điều khoản liên quan và đúng thời điểm. Các quốc gia cũng cam kết là khi được cấp giấy phép thì mỗi quốc gia sẽ đảm bảo các quy trình và quy định pháp lý của mình không phân biệt đối xử với bất kỳ công nghệ cụ thể nào. Bên cạnh, họ cũng cam kết thực hiện các quy trình phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên viễn thông độc đáo của riêng mình, bao gồm tần số, số hiệu và quyền ưu tiên trên cơ sở khách quan, đúng lúc, minh bạch và không phân biệt đối xử. Các nước TPP công nhận tầm quan trọng của các tác nhân thị trường và các thỏa thuận thương mại trong lĩnh vực viễn thông. Các quốc gia cũng thỏa thuận sẽ hành động theo các bước nhằm khuyến khích cạnh tranh trong các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các giải pháp thay thế cho dịch vụ chuyển vùng quốc tế. Các nước TPP cũng thống nhất rằng trong trường hợp một nước thành viên quy định mức thuế suất áp dụng cho việc bán buôn các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế, nước đó sẽ cho phép các nhà khai thác dịch vụ của các nước TPP không quy định mức thuế suất này có được cơ hội nhận được ưu đãi khi áp dụng mức thuế thấp hơn.

### **14. Thương mại điện tử**

Trong chương về thương mại điện tử, các nước TPP cam kết bảo đảm luồng thông tin và dữ liệu mạng tính toàn cầu được lưu hành một cách tự do giúp phát triển nền kinh tế Internet và kỹ thuật số đáp ứng các mục tiêu chính sách công liên quan như chính sách bảo mật thông tin cá nhân. 12 nước TPP cũng thống nhất không ràng buộc các công ty của các nước TPP phải xây dựng các trung tâm dữ liệu như một điều kiện cần thiết để hoạt động trong thị trường của nhau cũng như không yêu cầu phải có mã nguồn phân mềm khi cần chuyển giao hay truy cập. Chương này cũng nghiêm cấm việc áp đặt các loại thuế xuất nhập khẩu đối với việc truyền tin điện tử và ngăn không cho các nước TPP ưu đãi cho các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp sản phẩm truyền tin điện tử nội địa bằng cách áp dụng các biện pháp mang tính phân biệt đối xử hay khóa chặn hoàn toàn việc truyền tin. Nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng, các nước TPP thống nhất thông qua và duy trì các điều luật liên quan đến các hoạt động giả mạo, gian dối trên mạng cũng như đảm bảo các biện pháp bảo vệ tính riêng tư và các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng khác có thể được áp dụng vào thị trường của các nước TPP. Các nước TPP cũng phải đưa ra các biện pháp nhằm chấm dứt các tin nhắn rác. Nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại điện tử, chương này bao gồm các điều khoản khuyến khích các nước TPP phát triển hình thức giao dịch thương mại giữa các doanh nghiệp và chính phủ như các hình thức hải quan điện tử cũng như đưa ra các quy định về chứng thực và chữ ký điện tử trong các giao dịch thương mại. Một số nghĩa vụ trong chương này phải phù hợp với các biện pháp không tương thích của từng nước thành viên TPP. Tất cả 12 nước TPP đồng ý phối hợp cùng nhau để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa



và nhỏ trong việc tận dụng lợi thế thương mại điện tử. Chương này cũng khuyến khích sự hợp tác về các quy chế liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân, bảo vệ người tiêu dùng tham gia thương mại qua mạng, các mối đe dọa đến an toàn thông tin và năng lực bảo vệ an toàn thông tin.

## **15. Mua sắm công**

Các nước TPP chia sẻ lợi ích chung trong việc tiếp cận thị trường mua sắm công của nhau thông qua những quy định minh bạch, có thể dự đoán, và không phân biệt đối xử. Trong chương về mua sắm công, các nước TPP sẽ cam kết những nguyên tắc quan trọng về đối xử và không phân biệt đối xử giữa các quốc gia. Các nước TPP cũng thống nhất việc công bố kịp thời các thông tin liên quan nhằm giúp cho các nhà cung cấp có đủ thời gian nhận hồ sơ mời thầu và tham gia dự thầu, tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thầu một cách công bằng và không thiên vị, đồng thời bảo mật thông tin trong đó. Ngoài ra, các nước TPP thỏa thuận sử dụng thông số kỹ thuật một cách công bằng và khách quan, chỉ lựa chọn nhà thầu (ký hợp đồng) dựa trên các tiêu chí đánh giá được ghi trong các thông báo và hồ sơ mời thầu, và xây dựng các thủ tục pháp lý phù hợp để chất vấn hoặc xem xét những kiến nghị về việc lựa chọn nhà thầu. Mỗi nước TPP đồng ý đưa ra danh sách các tổ chức và hoạt động được điều chỉnh trong chương này (trong phụ lục đính kèm).

## **16. Chính sách cạnh tranh**

Các nước TPP có một mối quan tâm chung trong việc đảm bảo một khuôn khổ cạnh tranh công bằng trong khu vực thông qua các quy định đòi hỏi các nước TPP phải duy trì các chế độ pháp lý ngăn cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh cũng như các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo làm tổn hại đến người tiêu dùng.

Các nước TPP đồng ý áp dụng hoặc duy trì luật cạnh tranh nhằm ngăn cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh và áp dụng luật này vào tất cả các hoạt động thương mại trong lãnh thổ của mình. Để đảm bảo các luật này được thực thi một cách hiệu quả, các nước TPP đồng ý thiết lập hoặc duy trì các cơ quan chịu trách nhiệm thi hành luật cạnh tranh quốc gia, áp dụng hoặc duy trì pháp luật hoặc qui định chống lại các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo làm tổn hại đến khách hàng. Các nước TPP cũng đồng ý hợp tác về những vấn đề vì lợi ích đôi bên liên quan đến các hoạt động cạnh tranh nếu phù hợp.

Ngoài ra, các nước TPP đồng ý hợp tác trong chính sách cạnh tranh và thi hành luật cạnh tranh thông qua việc thông báo, tư vấn và trao đổi thông tin. Chương này không thuộc các điều khoản giải quyết tranh chấp của TPP nhưng các nước TPP có thể tham khảo những vấn đề mình quan tâm liên quan đến chương này.

## **17. Các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền**

Tất cả các nước TPP đều có doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò cung cấp dịch vụ công và các hoạt động khác nhưng các nước cũng nhận ra lợi ích của việc thống nhất một khung pháp lý về các doanh nghiệp nhà nước. Chương này điều chỉnh những doanh nghiệp nhà nước lớn tham gia vào các hoạt động thương mại. Các bên cùng đảm bảo rằng các doanh nghiệp nhà nước của mình sẽ thực hiện việc mua bán trên cơ sở các xem xét thương mại trừ khi việc làm đó không nhất quán với bất kỳ một nhiệm vụ nào mà một doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động theo đó. Các nước TPP còn thỏa thuận sẽ đảm bảo các doanh nghiệp nhà nước hoặc những đơn vị độc quyền của mình không phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp, hàng hóa và dịch vụ của các nước còn lại. Các nước TPP đồng ý trao cho tòa án quyền tài phán đối với các hoạt động thương mại của các DNNN nước ngoài trên lãnh thổ của mình, và bảo đảm rằng các cơ quan hành chính

quản lý của các DNNN và doanh nghiệp tư nhân cũng làm như vậy một cách công bằng. Các Nước TPP đồng ý sẽ không tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với lợi ích của các nước TPP khác khi cung cấp hỗ trợ phi thương mại cho các DNNN, hay làm tổn hại đến ngành công nghiệp trong nước của thành viên khác thông qua việc cung cấp các hỗ trợ phi thương mại cho DNNN sản xuất và bán hàng hóa trên lãnh thổ nước đó. Nước TPP đồng ý chia sẻ danh sách các DNNN của mình với các nước TPP khác và khi được yêu cầu sẽ cung cấp các thông tin bổ sung về mức độ sở hữu hoặc kiểm soát của chính phủ và những hỗ trợ phi thương mại cung cấp cho các DNNN. Chương này cũng quy định về các trường hợp ngoại lệ, ví dụ trong trường hợp khẩn cấp quốc gia hoặc toàn cầu, cũng như những ngoại lệ cụ thể của từng nước được nêu cụ thể trong các phụ lục kèm theo.

## **18. Sở hữu trí tuệ**

Sở hữu trí tuệ trong TPP bao gồm bằng sáng chế, thương hiệu, bản quyền, thiết kế công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, bí mật thương mại, các hình thức sở hữu trí tuệ khác, và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng như các lĩnh vực mà các nước TPP đồng ý hợp tác. Chương này sẽ giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong những thị trường mới vốn đặc biệt quan trọng cho các doanh nghiệp nhỏ.

Chương này cũng thiết lập những chuẩn mực cho các bằng sáng chế dựa trên Hiệp định WTO về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của (TRIPS Agreement) và những thông lệ quốc tế tốt nhất. Về thương hiệu, nó giúp bảo vệ các nhãn hiệu và những biểu tượng đặc thù khác mà các doanh nghiệp và cá nhân sử dụng cho hàng hóa của mình trên thị trường. Chương này đòi hỏi sự minh bạch nhất định và các quy trình bảo vệ phù hợp liên quan đến việc bảo vệ những chỉ dẫn địa lý mới kể cả những chỉ dẫn địa lý được công nhận hoặc được bảo vệ thông qua các điều ước quốc tế. Việc bảo vệ này bao gồm cả việc phân định rõ mối quan hệ giữa thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, cũng như việc bảo vệ việc sử dụng những thuật ngữ thường dùng.

Ngoài ra, chương này còn có những điều khoản liên quan đến dược phẩm thúc đẩy sự phát triển các loại thuốc cứu sinh mới cũng như việc phổ biến các thuốc gốc (generic medicines), có tính đến thời gian từng thành viên cần để đáp ứng được các tiêu chuẩn này. Chương này có cả những cam kết liên quan đến việc bảo vệ kết quả thử nghiệm và những dữ liệu khác đã được đệ trình để xin cấp phép lưu hành một sản phẩm dược hoặc hóa chất nông nghiệp mới. Chương này còn tái khẳng định cam kết của các bên về Tuyên bố của WTO năm 2001 về Hiệp Ước TRIPS và Sức Khỏe cộng đồng, và xác nhận một cách cụ thể rằng các bên không bị ngăn cản sử dụng các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bao gồm cả trong trường hợp có những đại dịch như HIV/AIDS.

Về bản quyền, chương sở hữu trí tuệ xây dựng những cam kết liên quan đến việc bảo hộ đối với các tác phẩm và công trình như bài hát, phim, sách, và phần mềm, và bao gồm những điều khoản cân đối và hiệu quả về các biện pháp bảo vệ công nghệ và thông tin quản lý bản quyền.

Chương này còn bao gồm một nghĩa vụ cho tất cả các nước TPP tiếp tục cố gắng đạt được sự cân bằng trong hệ thống bản quyền thông qua những ngoại lệ và hạn chế, bao gồm cả những nội dung trong môi trường số, và các biện pháp khác. Chương này yêu cầu các thành viên phải thông qua hoặc duy trì một khuôn khổ về vùng an toàn cho các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP). Các nghĩa vụ này không cho phép các nước TPP tạo ra các vùng an toàn ngẫu nhiên để giám sát hệ thống của các IPS tìm kiếm nội dung vi phạm.

Cuối cùng, các nước TPP đồng ý cung cấp các hệ thống chế tài mạnh, bao gồm cả những quy trình thủ tục dân sự, các biện pháp tạm thời, các biện pháp quản lý biên giới, các thủ tục và chế tài hình sự đối với tội giả mạo thương hiệu mang tính thương mại và vi phạm bản quyền hoặc các quyền liên quan. Chương này yêu cầu các nước TPP cung cấp các công cụ hợp pháp để ngăn ngừa việc lạm dụng các bí mật thương mại, xây dựng các thủ tục và xử phạt hình sự đối với tội phạm trộm cắp bí mật thương mại, bao gồm cả trộm cắp qua mạng hoặc quay phim.

## **19. Lao động**

Tất cả các nước TPP đều là thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và công nhận tầm quan trọng của việc thúc đẩy các quyền lao động được quốc tế công nhận. Trong TPP, các thành viên đồng ý thông qua và duy trì trong luật và thông lệ của mình các quyền cơ bản của người lao động như được thừa nhận trong Tuyên bố 1998 của ILO, đó là quyền tự do liên kết và quyền thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức; xóa bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; và loại bỏ sự phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Các thành viên cũng đồng ý có luật quy định mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Những cam kết này áp dụng cả với các khu chế xuất. Mười hai nước TPP đồng ý không miễn trừ hoặc giảm hiệu lực của pháp luật quy định việc thực thi các quyền cơ bản của người lao động để thu hút thương mại hoặc đầu tư, và thực thi một cách hiệu quả pháp luật liên quan đến lao động một cách bền vững hoặc đều đặn có thể có ảnh hưởng tới thương mại hoặc đầu tư giữa các nước TPP. Bên cạnh các cam kết của các nước TPP nhằm xóa bỏ lao động cưỡng bức trong nước mình, chương Lao động còn bao gồm những cam kết không khuyến khích việc nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bằng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em, hoặc sử dụng nguyên liệu đầu vào được sản xuất ra bằng lao động cưỡng bức, bất kể nước xuất xứ có phải là nước TPP hay không. Mỗi nước TPP đều cam kết bảo đảm khả năng tiếp cận với hệ thống thủ tục hành chính và tư pháp công bằng, không thiên vị và minh bạch và sẽ cung cấp các biện pháp khắc phục hiệu quả những vi phạm luật lao động của mình. Các thành viên cũng đồng ý cho phép sự tham gia của công chúng vào việc thực thi chương Lao động, bao gồm cả việc xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến đóng góp của công chúng.

Các cam kết tại chương này phải tuân thủ các thủ tục giải quyết tranh chấp được quy định tại chương Giải quyết tranh chấp. Để thúc đẩy việc giải quyết nhanh các vấn đề về lao động giữa các nước TPP, chương Lao động còn xây dựng cơ chế đối thoại mà các thành viên có thể lựa chọn áp dụng để giải quyết mọi vấn đề về lao động giữa các thành viên. Cơ chế đối thoại này cho phép xem xét nhanh các vấn đề và cho phép các thành viên cùng nhất trí với chương trình hành động để xử lý vấn đề. Chương Lao động tạo ra một cơ chế hợp tác về các vấn đề về lao động, bao gồm cả các cơ hội để các nhà đầu tư xác định phạm vi hợp tác và tham gia vào các hoạt động hợp tác nền tảng phù hợp và cùng thống nhất.

## **20. Môi trường**

Với tư cách là các quốc gia chiếm một phần đáng kể về dân số, động vật hoang dã, thực vật và sinh vật biển trên thế giới, các nước TPP cùng ký một bản cam kết bền vững về việc bảo vệ và bảo tồn môi trường, bao gồm hợp tác trong việc giải quyết các thách thức về môi trường như ô nhiễm môi trường, buôn bán trái phép động vật hoang dã, khai thác gỗ bất hợp pháp và trong việc bảo vệ môi trường biển. 12 nước nhất trí thực thi có hiệu quả pháp luật về môi trường của nước mình và không đi ngược lại với hệ thống pháp luật về môi trường để khuyến khích thương mại và đầu tư. Các nước cũng đồng ý thực hiện nghĩa vụ của mình theo Công ước về Buôn bán quốc tế các loài hoang dã động thực vật (CITES), có biện pháp đối phó và hợp tác ngăn chặn

buôn bán động trái phép vật hoang dã. Ngoài ra, các nước thống nhất đẩy mạnh quản lý rừng bền vững và để bảo vệ và bảo tồn động thực vật hoang dã và thực vật mà các quốc gia đã xác định là đang gặp nguy hiểm trong lãnh thổ của mình, kể cả các biện pháp để bảo tồn tính toàn vẹn sinh thái của khu vực tự nhiên được bảo vệ đặc biệt, chẳng hạn như vùng đầm lầy. Với nỗ lực để bảo vệ đại dương chung của mình, các nước TPP thống nhất về quản lý bền vững nghề cá, thúc đẩy bảo tồn các loài sinh vật biển quan trọng, bao gồm loài cá mập, để chống lại việc đánh bắt cá trái phép và để ngăn chặn một số trợ cấp nghề cá có tác động nguy hại nhất, tiếp tay cho các hoạt động đánh bắt cá trái phép, không được báo cáo và không được quy định, tạo ra ảnh hưởng tiêu cực dẫn đến nguồn cá bị khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt. Các nước cũng đồng ý nâng cao tính minh bạch liên quan đến các chương trình trợ cấp nêu trên và nỗ lực hết mình để không đưa ra các khoản trợ cấp mới cho việc khai thác quá mức hoặc quá tải nguồn cá.

Các nước TPP cũng thỏa thuận bảo vệ môi trường biển từ ô nhiễm tàu thủy và bảo vệ tầng ô zôn khỏi các chất phá hủy ozone. Các nước xác nhận lại cam kết của mình trong việc thực hiện các Hiệp định đa phương về môi trường (MEAs) mà mình gia nhập. Các nước cam kết minh bạch trong việc đưa ra quyết định, thực hiện và thi hành các quyết định về môi trường. Bên cạnh đó, các nước thỏa thuận tạo cơ hội cho cộng đồng đóng góp vào việc thực hiện chương về Môi trường, kể cả thông qua việc đệ trình và các buổi họp công khai của Ủy ban Môi trường để giám sát việc thực hiện của nội dung chương này. Chương này cũng phải tuân thủ quy trình giải quyết tranh chấp trong chương Giải quyết tranh chấp. Các nước cũng nhất trí khuyến khích các sáng kiến môi trường tự nguyện, chẳng hạn như các chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cuối cùng, các nước cam kết hợp tác giải quyết các vấn đề quan tâm chung, kể cả trong các lĩnh vực bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải và chống phục hồi.

## **21. Nâng cao năng lực và hợp tác**

Các nền kinh tế của 12 nước tham gia TPP rất đa dạng. Tất cả các nước công nhận rằng các nước TPP kém phát triển hơn có thể phải đối mặt với thách thức trong việc thực hiện Hiệp định và trong việc tận dụng các cơ hội mà Hiệp định tạo ra. Để giải quyết các thách thức trên, chương về Nâng cao năng lực và hợp tác thiết lập một Ủy ban Nâng cao năng lực và hợp tác nhằm xác định và xem xét các khu vực có tiềm năng cho những nỗ lực hợp tác và nâng cao năng lực. Hoạt động của các nước là trên cơ sở đồng thuận và tùy thuộc vào nguồn tài nguyên sẵn có. Ủy ban này sẽ tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin để hỗ trợ theo yêu cầu liên quan tới nâng cao năng lực và hợp tác.

## **22. Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh**

Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh nhằm giúp cho TPP đạt được tiềm năng của mình để cải thiện khả năng cạnh tranh của các nước tham gia và toàn bộ khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Chương này tạo ra cơ chế chính thức để xem xét tác động của TPP lên khả năng cạnh tranh của các nước thông qua các cuộc đối thoại giữa chính phủ các nước và giữa chính phủ, doanh nghiệp, và xã hội dân sự, đặc biệt tập trung đào sâu chuỗi cung ứng khu vực, đánh giá tiến độ, tận dụng cơ hội mới và giải quyết tất cả thách thức có thể nảy sinh một khi TPP có hiệu lực. Cơ chế này bao gồm cả Ủy ban Tạo thuận lợi kinh doanh và năng lực cạnh tranh có nhiệm vụ gặp gỡ thường xuyên để xem xét tác động của TPP lên khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc gia và hội nhập kinh tế khu vực. Ủy ban sẽ xem xét lời khuyên và khuyến nghị từ các nhà đầu tư của các nước về cách thức TPP có thể tiếp tục tăng cường khả năng cạnh tranh, bao gồm tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vi mô, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi

cung ứng khu vực. Chương này cũng thiết lập một khuôn khổ cơ bản cho Ủy ban để đánh giá hiệu suất của chuỗi cung ứng theo Hiệp định này, bao gồm cách để thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp các nước và chuyên gia.

### **23. Phát triển**

Các nước TPP tìm cách đảm bảo rằng TPP sẽ là một mô hình cao cấp cho thương mại và hội nhập kinh tế, và đặc biệt để đảm bảo rằng tất cả các nước TPP có thể có được những lợi ích đầy đủ của TPP hoàn toàn có thể thực hiện các cam kết của mình và trở nên phồn thịnh hơn với thị trường mạnh mẽ. Chương Phát triển bao gồm ba lĩnh vực cụ thể được xem xét cho công việc hợp tác một khi TPP có hiệu lực đối với mỗi nước: (1) tăng trưởng kinh tế trên diện rộng, bao gồm phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo và sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ; (2) phụ nữ và việc tăng trưởng kinh tế, bao gồm cả việc giúp phụ nữ nâng cao năng lực và kỹ năng, tăng cường tiếp cận của phụ nữ với các thị trường, đạt được công nghệ và tài chính, thiết lập mạng lưới lãnh đạo nữ, và xác định các thông lệ tốt nhất trong sự linh hoạt tại nơi làm việc; và (3) giáo dục, khoa học và công nghệ, nghiên cứu và đổi mới. Chương này thiết lập một Ủy ban Phát triển TPP có nhiệm vụ họp thường xuyên nhằm thúc đẩy việc hợp tác tự nguyện trong các lĩnh vực này và các cơ hội mới.

### **24. Doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Các nước TPP có mối quan tâm chung tới việc thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thương mại nhằm đảm bảo rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa chia sẻ những lợi ích của TPP. Cùng với các cam kết trong các chương khác của TPP về tiếp cận thị trường, giảm công việc giấy tờ, truy cập Internet, thuận lợi thương mại, chuyển phát nhanh, v.v.,..., nội dung chương về các Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm các cam kết của mỗi nước TPP để tạo ra một trang web thân thiện với người dùng, nhằm vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin TPP có thể dễ dàng truy cập và cách mà các công ty nhỏ có thể tận dụng nó, bao gồm mô tả các quy định của TPP có liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa; các quy định và thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; quy định đầu tư nước ngoài; thủ tục đăng ký kinh doanh; quy định việc làm; và thông tin thuế. Ngoài ra, chương này sẽ thiết lập một Ủy ban Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức này sẽ gặp gỡ thường xuyên để xem xét khả năng phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa của TPP, xem xét cách để nâng cao hơn nữa lợi ích của nó, và giám sát việc hoạt động nâng cao năng lực và hợp tác để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua tư vấn xuất khẩu, hỗ trợ, và các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; chia sẻ thông tin; tài trợ thương mại và các hoạt động khác.

### **25. Sự đồng nhất về quy định**

Chương sự đồng nhất về quy định sẽ giúp đảm bảo một môi trường pháp lý mở, công bằng, và có thể dự đoán cho các doanh nghiệp hoạt động trong thị trường TPP bằng cách khuyến khích sự minh bạch, công bằng, và phối hợp giữa các chính phủ để đạt được một cách tiếp cận quản lý chặt chẽ. Chương này nhằm mục đích tạo điều kiện cho sự chặt chẽ của các quy định ở mỗi nước TPP bằng cách thúc đẩy cơ chế tham vấn liên ngành có hiệu quả và sự phối hợp của các cơ quan. Nó khuyến khích các thông lệ quản lý tốt được chấp nhận rộng rãi, chẳng hạn như đánh giá tác động của các biện pháp quản lý đề xuất, truyền thông trong những căn cứ để lựa chọn các giải pháp thay thế quy định lựa chọn và bản chất của các quy định đang được ban hành. Chương này cũng bao gồm các điều khoản để đảm bảo các quy định được viết rõ ràng và chính xác, công chúng có thể tiếp cận thông tin về các biện pháp quản lý mới (trực tuyến nếu có thể), và các biện pháp quản lý hiện tại theo định kỳ được xem xét để xác định xem liệu các biện pháp này vẫn là

phương tiện hiệu quả nhất để đạt được mục tiêu mong muốn hay không. Ngoài ra, chương này khuyến khích các nước TPP cung cấp một thông báo công khai hàng năm về tất cả các biện pháp quản lý dự kiến sẽ áp dụng. Hướng tới những mục tiêu này, chương này thiết lập một Ủy ban có nhiệm vụ cung cấp cho các nước TPP, doanh nghiệp và xã hội dân sự cơ hội liên tục để báo cáo về việc thực hiện, chia sẻ kinh nghiệm về các thông lệ tốt nhất, và xem xét các khu vực tiềm năng hợp tác. Chương này, dưới bất kỳ hình thức nào, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các nước TPP trong việc đưa ra quy định về sức khỏe cộng đồng, an toàn, an ninh, lợi ích công cộng và các lý do khác.

## **26. Sự minh bạch và công tác chống tham nhũng**

Chương về Sự minh bạch và công tác chống tham nhũng trong TPP nhằm mục đích thúc đẩy mục tiêu chung của tất cả các nước TPP trong việc tăng cường quản trị tốt và giải quyết những tác động tiêu cực của việc hối lộ và tham nhũng có thể gây nên cho nền kinh tế của các nước. Theo chương này, các nước TPP cần phải đảm bảo rằng các luật, quy định và các quyết định hành chính áp dụng chung đối với bất kỳ vấn đề nào quy định trong TPP được công bố công khai và, ở mức độ có thể, các quy định có khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các nước có thể được nhận thấy và nhận xét. Các nước TPP thỏa thuận đảm bảo các quyền lợi theo đúng thủ tục cho các nhà đầu tư của các nước TPP với các tranh chấp hành chính, bao gồm việc xem xét nhanh chóng thông qua tòa án hoặc thủ tục công bằng về tư pháp hoặc hành chính. Các nước cũng đồng ý thông qua hoặc duy trì pháp luật về hình sự hóa các đề nghị, hoặc yêu cầu, các lợi ích không chính đáng của công chức, cũng như các hành vi tham nhũng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế. Các nước cũng cam kết thực thi hiệu quả các luật và các quy định của các nước về chống tham nhũng. Ngoài ra, các nước đồng ý nỗ lực áp dụng hoặc duy trì các quy tắc hoặc các tiêu chuẩn về ứng xử của công chức nước mình, cũng như các biện pháp để xác định và quản lý xung đột lợi ích nhằm tăng cường đở tạo công chức, thực hiện các bước để ngăn chặn việc tặng quĩ, khuyến khích việc báo cáo các hành vi tham nhũng vi phạm quy định các biện pháp kỷ luật hoặc các biện pháp khác đối với công chức tham gia vào các hành vi tham nhũng. Trong một phụ lục của chương này, các nước TPP cũng đồng ý với các điều khoản thúc đẩy tính minh bạch và công bằng về thủ tục liên quan đến việc niêm yết và bồi hoàn cho các sản phẩm được phẩm hoặc các thiết bị y tế. Các cam kết trong phụ lục này không phải tuân thủ quy trình giải quyết tranh chấp.

## **27. Các điều khoản về hành chính và thể chế**

Chương về Các điều khoản hành chính và thể chế xây dựng một khuôn khổ thể chế theo đó các nước TPP sẽ đánh giá và hướng dẫn việc thi hành hoặc hoạt động của TPP, cụ thể là thông qua việc thành lập Ủy ban Quan hệ Đối tác xuyên Thái Bình Dương, bao gồm các Bộ trưởng hoặc các quan chức cấp cao, để giám sát việc thực hiện hoặc hoạt động của Hiệp định và định hướng sự phát triển tương lai của nó. Định kỳ, Ủy ban này sẽ xem xét các mối quan hệ kinh tế và quan hệ đối tác giữa các nước TPP để đảm bảo nội dung Hiệp định luôn giữ mối liên kết với những thách thức thương mại và đầu tư mà các nước TPP phải đối mặt. Mỗi Bên phải chỉ định một cơ quan đầu mối duy trì thông tin liên lạc giữa các nước TPP, và tạo ra một cơ chế để những Bên có thời hạn chuyển tiếp cụ thể đối với một nghĩa vụ nào đó có thể báo cáo về kế hoạch và lộ trình thực hiện nghĩa vụ. Điều này đảm bảo các nước TPP thực hiện nghĩa vụ một cách minh bạch hơn.

## **28. Giải quyết tranh chấp**

Chương về Giải quyết tranh chấp nhằm cho giúp đỡ các nước TPP nhanh chóng giải quyết các tranh chấp giữa họ trong quá trình thực hiện Hiệp định TPP. Các nước TPP sẽ thực hiện mọi nỗ lực để giải quyết tranh chấp thông qua hợp tác, tham vấn và những cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế phù hợp khác. Khi những nỗ lực trên thất bại, tranh chấp được giải quyết thông qua các Ban hội thẩm công bằng. Cơ chế giải quyết tranh chấp quy định trong Chương này áp dụng cho toàn bộ Hiệp định, ngoại trừ một số trường hợp cụ thể. Công chúng của mỗi nước TPP có thể theo dõi tiến trình tố tụng vì tất cả các đệ trình, các phiên điều trần (trừ khi các nước TPP có thỏa thuận khác) đến báo cáo cuối cùng của ban hội thẩm đều được công khai với công chúng. Các Ban hội thẩm sẽ xem xét các yêu cầu cung cấp quan điểm liên quan đến vụ tranh chấp từ các tổ chức phi chính phủ nằm trong lãnh thổ của nước có tranh chấp.

Nếu quá trình tham vấn thất bại, các nước TPP có quyền yêu cầu thành lập một ban hội thẩm trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn hoặc trong vòng 30 ngày nếu tranh chấp có liên quan đến hàng hóa dễ hỏng. Ban hội thẩm gồm 3 chuyên gia về thương mại quốc tế và lĩnh vực liên quan đến vụ tranh chấp, độc lập với các nước TPP tranh chấp, cùng với quy chế thành lập ban hội thẩm kể cả trường hợp một nước thành viên không bổ nhiệm hội thẩm viên trong một thời hạn nhất định. Các hội thẩm viên phải tuân thủ một bộ quy tắc ứng xử để đảm bảo tính thống nhất của cơ chế giải quyết tranh chấp. Ban hội thẩm sẽ gửi báo cáo đầu tiên cho các nước TPP tranh chấp trong vòng 150 ngày kể từ ngày bổ nhiệm hội thẩm viên cuối cùng hoặc 120 ngày trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như các trường hợp liên quan đến hàng hóa dễ hỏng. Báo cáo đầu tiên sẽ được giữ bí mật để nước TPP tham gia đóng góp ý kiến. Báo cáo cuối cùng phải được gửi không quá 30 ngày sau báo cáo thứ nhất và phải được công khai trong thời hạn 15 ngày, tùy thuộc vào độ bảo mật của báo cáo.

Để tối đa hóa sự tuân thủ Hiệp định, chương này cho phép áp dụng trả đũa thương mại (ví dụ, tạm dừng cung cấp các lợi ích) nếu một bên không tuân thủ các nghĩa vụ mình và cũng không có biện pháp khắc phục. Trước khi biện pháp trả đũa thương mại được áp dụng, bên vi phạm có thể thương lượng hoặc yêu cầu một khoảng thời gian hợp lý để khắc phục vi phạm.

## **29. Trường hợp ngoại lệ**

Chương về Trường hợp ngoại lệ đảm bảo các nước TPP có quyền linh hoạt áp dụng TPP miễn là các nước TPP đảm bảo đầy đủ các lợi ích công cộng, kể cả lợi ích an ninh thiết yếu và lý do phúc lợi công cộng khác. Chương này kết hợp các trường hợp ngoại lệ chung được quy định tại Điều XX của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại 1994 quy định về thương mại hàng hóa, theo đó Hiệp định này không ngăn cản các nước TPP áp dụng hoặc thi hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng, bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, bảo vệ tài sản trí tuệ, thực thi các biện pháp liên quan đến các sản phẩm do tù nhân tạo ra, và các biện pháp liên quan đến bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể bị cạn kiệt.

Chương này cũng bao gồm các trường hợp ngoại lệ chung tương tự quy định tại Điều XIV của Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ liên quan đến các quy định thương mại dịch vụ.

Chương này quy định một ngoại lệ tự đánh giá áp dụng cho toàn bộ Hiệp định TPP. Theo đó, một Bên có quyền dùng bất cứ biện pháp cần thiết nào để bảo vệ lợi ích an ninh cơ bản của mình. Chương này cũng xác định hoàn cảnh và điều kiện mà một Bên có thể áp dụng các biện pháp tự vệ tạm thời (chẳng hạn như kiểm soát vốn) để hạn chế giao dịch - như góp vốn, chuyển lợi nhuận và cổ tức, thanh toán lãi hoặc tiền bản quyền, và các khoản thanh toán theo hợp đồng - liên quan để đầu tư theo Hiệp định để đảm bảo các chính phủ linh hoạt quản lý các dòng vốn biến động, tùy thuộc vào tình hình cán cân thanh toán hoặc các cuộc khủng hoảng kinh tế khác

hoặc mối đe dọa từ khủng hoảng. Ngoài ra, các nước TPP không có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin theo TPP nếu nó trái với pháp luật của mình hoặc lợi ích công cộng, hoặc làm phương hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp cụ thể. Một nước TPP được quyền phủ quyết lợi ích của việc giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước đối với một vụ việc liên quan đến một biện pháp kiểm soát thuốc lá của nước thành viên đó.

### **30. Điều khoản thi hành**

Chương này quy định hiệu lực thi hành của TPP, cách thức sửa đổi, các quy tắc thiết lập quy trình để các quốc gia hay vùng lãnh thổ khác tham gia TPP trong tương lai, hình thức rút khỏi Hiệp định TPP, và ngôn ngữ chính thức của TPP. Hiệp định cũng thành lập một cơ quan lưu chiểu có trách nhiệm tiếp nhận và phổ biến các tài liệu.

Chương này đảm bảo rằng TPP có thể được sửa đổi với điều kiện tất cả các nước TPP đồng ý và sau khi mỗi nước TPP đã hoàn thành thủ tục pháp lý của mình và thông báo cho Cơ quan lưu chiểu bằng văn bản. Hiệp định TPP cho phép các thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương và các nước khác hoặc vùng lãnh thổ khác gia nhập nếu được các nước TPP đồng thuận, sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý được áp dụng tại mỗi nước TPP. Chương này cũng quy định các thủ tục cần thực hiện khi một Bên muốn rút khỏi Hiệp định TPP.

## **SUMMARY OF THE TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP AGREEMENT**

On October 4, 2015, Ministers of the 12 Trans-Pacific Partnership (TPP) countries – Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, United States, and Vietnam – announced conclusion of their negotiations. The result is a high-standard, ambitious, comprehensive, and balanced agreement that will promote economic growth; support the creation and retention of jobs; enhance innovation, productivity and competitiveness; raise living standards; reduce poverty in our countries; and promote transparency, good governance, and enhanced labor and environmental protections. We envision conclusion of this agreement, with its new and high standards for trade and investment in the Asia Pacific, as an important step toward our ultimate goal of open trade and regional integration across the region.

### **KEY FEATURES**

Five defining features make the Trans-Pacific Partnership a landmark 21<sup>st</sup>-century agreement, setting a new standard for global trade while taking up next-generation issues. These features include:

Comprehensive market access. The TPP eliminates or reduces tariff and non-tariff barriers across substantially all trade in goods and services and covers the full spectrum of trade, including goods and services trade and investment, so as to create new opportunities and benefits for our businesses, workers, and consumers.

Regional approach to commitments. The TPP facilitates the development of production and supply chains, and seamless trade, enhancing efficiency and supporting our goal of creating and supporting jobs, raising living standards, enhancing conservation efforts, and facilitating cross-border integration, as well as opening domestic markets.



Addressing new trade challenges. The TPP promotes innovation, productivity, and competitiveness by addressing new issues, including the development of the digital economy, and the role of state-owned enterprises in the global economy.

Inclusive trade. The TPP includes new elements that seek to ensure that economies at all levels of development and businesses of all sizes can benefit from trade. It includes commitments to help small- and medium-sized businesses understand the Agreement, take advantage of its opportunities, and bring their unique challenges to the attention of the TPP governments. It also includes specific commitments on development and trade capacity building, to ensure that all Parties are able to meet the commitments in the Agreement and take full advantage of its benefits.

Platform for regional integration. The TPP is intended as a platform for regional economic integration and designed to include additional economies across the Asia-Pacific region.

## **SCOPE**

- The TPP includes 30 chapters covering trade and trade-related issues, beginning with trade in goods and continuing through customs and trade facilitation; sanitary and phytosanitary measures; technical barriers to trade; trade remedies; investment; services; electronic commerce; government procurement; intellectual property; labour; environment; ‘horizontal’ chapters meant to ensure that TPP fulfils its potential for development, competitiveness, and inclusiveness; dispute settlement, exceptions, and institutional provisions.

- In addition to updating traditional approaches to issues covered by previous free trade agreements (FTAs), the TPP incorporates new and emerging trade issues and cross-cutting issues. These include issues related to the Internet and the digital economy, the participation of state-owned enterprises in international trade and investment, the ability of small businesses to take advantage of trade agreements, and other topics.

TPP unites a diverse group of countries – diverse by geography, language and history, size, and levels of development. All TPP countries recognize that diversity is a unique asset, but also one which requires close cooperation, capacity-building for the lesser-developed TPP countries, and in some cases special transitional periods and mechanisms which offer some TPP partners additional time, where warranted, to develop capacity to implement new obligations.

## **SETTING REGIONAL TRADE RULES**

Below is a summary of the TPP’s 30 chapters. Schedules and annexes are attached to the chapters of the Agreement related to goods and services trade, investment, government procurement, and temporary entry of business persons. In addition, the State-Owned Enterprises chapter includes country-specific exceptions in annexes.

### **1. Initial Provisions and General Definitions**

Many TPP Parties have existing agreements with one another. The Initial Provisions and General Definitions Chapter recognizes that the TPP can coexist with other international trade agreements between the Parties, including the WTO Agreement, bilateral, and regional agreements. It also provides definitions of terms used in more than one chapter of the Agreement.

### **2. Trade in Goods**

TPP Parties agree to eliminate and reduce tariffs and non-tariff barriers on industrial goods, and to eliminate or reduce tariffs and other restrictive policies on agricultural goods. The preferential access provided through the TPP will increase trade between the TPP countries in this market of 800 million people and will support high-quality jobs in all 12 Parties. Most tariff elimination in industrial goods will be implemented immediately, although tariffs on some products will be eliminated over longer timeframes as agreed by the TPP Parties. The specific tariff cuts agreed by the TPP Parties are included in schedules covering all goods. The TPP Parties will publish all tariffs and other information related to goods trade to ensure that small- and medium-sized businesses as well as large companies can take advantage of the TPP. They also agree not to use performance requirements, which are conditions such as local production requirements that some countries impose on companies in order for them to obtain tariff benefits. In addition, they agree not to impose WTO-inconsistent import and export restrictions and duties, including on remanufactured goods – which will promote recycling of parts into new products. If TPP Parties maintain import or export license requirements, they will notify each other about the procedures so as to increase transparency and facilitate trade flows.

On agricultural products, the Parties will eliminate or reduce tariffs and other restrictive policies, which will increase agricultural trade in the region, and enhance food security. In addition to eliminating or reducing tariffs, TPP Parties agree to promote policy reforms, including by eliminating agricultural export subsidies, working together in the WTO to develop disciplines on export state trading enterprises, export credits, and limiting the timeframes allowed for restrictions on food exports so as to provide greater food security in the region. The TPP Parties have also agreed to increased transparency and cooperation on certain activities related to agricultural biotechnology.

### **3. Textiles and Apparel**

The TPP Parties agree to eliminate tariffs on textiles and apparel, industries which are important contributors to economic growth in several TPP Parties' markets. Most tariffs will be eliminated immediately, although tariffs on some sensitive products will be eliminated over longer timeframes as agreed by the TPP Parties. The chapter also includes specific rules of origin that require use of yarns and fabrics from the TPP region, which will promote regional supply chains and investment in this sector, with a “short supply list” mechanism that allows use of certain yarns and fabrics not widely available in the region. In addition, the chapter includes commitments on customs cooperation and enforcement to prevent duty evasion, smuggling and fraud, as well as a textile-specific special safeguard to respond to serious damage or the threat of serious damage to domestic industry in the event of a sudden surge in imports.

### **4. Rules of Origin**

To provide simple rules of origin, promote regional supply chains, and help ensure the TPP countries rather than non-participants are the primary beneficiaries of the Agreement, the 12 Parties have agreed on a single set of rules of origin that define whether a particular good is “originating” and therefore eligible to receive TPP preferential tariff benefits. The product-specific rules of origin are attached to the text of the Agreement. The TPP provides for “accumulation,” so that in general, inputs from one TPP Party are treated the same as materials from any other TPP Party, if used to produce a product in any TPP Party. The TPP Parties also have set rules that ensure businesses can easily operate across the TPP region, by creating a common TPP-wide system of showing and verifying that goods made in the TPP meet the rules

of origin. Importers will be able to claim preferential tariff treatment as long as they have the documentation to support their claim. In addition, the chapter provides the competent authorities with the procedures to verify claims appropriately.

## **5. Customs Administration and Trade Facilitation**

Complementing their WTO efforts to facilitate trade, the TPP Parties have agreed on rules to enhance the facilitation of trade, improve transparency in customs procedures, and ensure integrity in customs administration. These rules will help TPP businesses, including small- and medium-sized businesses, by encouraging smooth processing in customs and border procedures, and promote regional supply chains. TPP Parties have agreed to transparent rules, including publishing their customs laws and regulations, as well as providing for release of goods without unnecessary delay and on bond or 'payment under protest' where customs has not yet made a decision on the amount of duties or fees owed. They agree to advance rulings on customs valuation and other matters that will help businesses, both large and small, trade with predictability. They also agree to disciplines on customs penalties that will help ensure these penalties are administered in an impartial and transparent manner. Due to the importance of express shipping to business sectors including small- and medium-sized companies, the TPP countries have agreed to provide expedited customs procedures for express shipments. To help counter smuggling and duty evasion, the TPP Parties agree to provide information, when requested, to help each other enforce their respective customs laws.

## **6. Sanitary and Phytosanitary (SPS) Measures**

In developing SPS rules, the TPP Parties have advanced their shared interest in ensuring transparent, non-discriminatory rules based on science, and reaffirmed their right to protect human, animal or plant life or health in their countries. The TPP builds on WTO SPS rules for identifying and managing risks in a manner that is no more trade restrictive than necessary. TPP Parties agree to allow the public to comment on proposed SPS measures to inform their decision-making, and to ensure traders understand the rules they will need to follow. They agree that import programmes are based on the risks associated with importations, and that import checks are carried out without undue delay. The Parties also agree that emergency measures necessary for the protection of human, animal, or plant life or health may be taken provided that the Party taking them notifies all other Parties. The Party adopting an emergency measure will review the scientific basis of that measure within six months and make available the results of these reviews to any Party on request. In addition, TPP Parties commit to improve information exchange related to equivalency or regionalisation requests and to promote systems-based audits to assess the effectiveness of regulatory controls of the exporting Party. In an effort to rapidly resolve SPS matters that emerge between them, they have agreed to establish a mechanism for consultations between governments.

## **7. Technical Barriers to Trade (TBT)**

In developing TBT rules, the TPP Parties have agreed on transparent, non-discriminatory rules for developing technical regulations, standards and conformity assessment procedures, while preserving TPP Parties' ability to fulfill legitimate objectives. They agree to cooperate to ensure that technical regulations and standards do not create unnecessary barriers to trade. To reduce costs for TPP businesses, especially small businesses, TPP Parties agree to rules that will facilitate the acceptance of the results of conformity assessment procedures from the conformity assessment bodies in the other TPP Parties, making it easier for companies to access TPP

markets. Under the TPP, Parties are required to allow for the public to comment on proposed technical regulations, standards, and conformity assessment procedures to inform their regulatory processes and to ensure traders understand the rules they will need to follow. They also will ensure a reasonable interval between publication of technical regulations and conformity assessment procedures, and their entry into force, so that businesses have sufficient time to meet the new requirements. In addition, the TPP includes annexes related to regulation of specific sectors to promote common regulatory approaches across the TPP region. These sectors are cosmetics, medical devices, pharmaceuticals, information and communications technology products, wine and distilled spirits, proprietary formulas for prepackaged foods and food additives, and organic agricultural products.

## **8. Trade Remedies**

The Trade Remedies chapter promotes transparency and due process in trade remedy proceedings through recognition of best practices, but does not affect the TPP Parties' rights and obligations under the WTO. The chapter provides for a transitional safeguard mechanism, which allows a Party to apply a transitional safeguard measure during a certain period of time if import increases as a result of the tariff cuts implemented under the TPP cause serious injury to a domestic industry. These measures may be maintained for up to two years, with a one-year extension, but must be progressively liberalized if they last longer than a year. Parties imposing safeguard measures must follow notification and consultation requirements. The chapter also sets out rules requiring that a TPP Party applying a transitional safeguard measure provide mutually-agreed compensation. The Parties may not impose more than one of the safeguards allowed under TPP on the same product at the same time. The Parties may not impose a transitional safeguard measure on any product imported under a TPP tariff rate quota, and may exclude TPP products from a WTO safeguard measure if such imports are not a cause or threat of serious injury.

## **9. Investment**

In establishing investment rules, the TPP Parties set out rules requiring non-discriminatory investment policies and protections that assure basic rule of law protections, while protecting the ability of Parties' governments to achieve legitimate public policy objectives. TPP provides the basic investment protections found in other investment-related agreements, including national treatment; most-favored-nation treatment; "minimum standard of treatment" for investments in accordance with customary international law principles; prohibition of expropriation that is not for public purpose, without due process, or without compensation; prohibition on "performance requirements" such as local content or technology localization requirements; free transfer of funds related to an investment, subject to exceptions in the TPP to ensure that governments retain the flexibility to manage volatile capital flows, including through non-discriminatory temporary safeguard measures (such as capital controls) restricting investment-related transfers in the context of a balance of payments crisis or the threat thereof, and certain other economic crises or to protect the integrity and stability of the financial system; and freedom to appoint senior management positions of any nationality.

TPP Parties adopt a "negative-list" basis, meaning that their markets are fully open to foreign investors, except where they have taken an exception (non-conforming measure) in one of two country-specific annexes: (1) current measures on which a Party accepts an obligation not to

make its measures more restrictive in the future and to bind any future liberalization, and (2) measures and policies on which a Party retains full discretion in the future.

The chapter also provides for neutral and transparent international arbitration of investment disputes, with strong safeguards to prevent abusive and frivolous claims and ensure the right of governments to regulate in the public interest, including on health, safety, and environmental protection. The procedural safeguards include: transparent arbitral proceedings, *amicus curiae* submissions, non-disputing Party submissions; expedited review of frivolous claims and possible award of attorneys' fees; review procedure for an interim award; binding joint interpretations by TPP Parties; time limits on bringing a claim; and rules to prevent a claimant pursuing the same claim in parallel proceedings.

## **10. Cross-Border Trade in Services**

Given the growing importance of services trade to TPP Parties, the 12 countries share an interest in liberalized trade in this area. TPP includes core obligations found in the WTO and other trade agreements: national treatment; most-favoured nation treatment; market access, which provides that no TPP country may impose quantitative restrictions on the supply of services (*e.g.*, a limit on the number of suppliers or number of transactions) or require a specific type of legal entity or joint venture; and local presence, which means that no country may require a supplier from another country to establish an office or affiliate, or to be resident, in its territory in order to supply a service. TPP Parties accept these obligations on a “negative-list basis,” meaning that their markets are fully open to services suppliers from TPP countries, except where they have taken an exception (non-conforming measure) in one of two country-specific annexes attached to the Agreement : (1) current measures on which a Party accepts an obligation not to make its measures more restrictive in the future, and to bind any future liberalisation, and (2) sectors and policies on which a country retains full discretion in the future.

TPP Parties also agree to administer measures of general application in a reasonable, objective, and impartial manner; and to accept requirements for transparency in the development of new services regulations. Benefits of the chapter can be denied to shell companies and to a service supplier owned by non-Parties with which a TPP Party prohibits certain transactions. TPP Parties agree to permit free transfer of funds related to the cross-border supply of a service. In addition, the chapter includes a professional services annex encouraging cooperative work on licensing recognition and other regulatory issues, and an annex on express delivery services.

## **11. Financial Services**

The TPP Financial Services chapter will provide important cross-border and investment market access opportunities, while ensuring that Parties will retain the ability to regulate financial markets and institutions and to take emergency measures in the event of crisis. The chapter includes core obligations found in other trade agreements, including: national treatment; most-favored nation treatment; market access; and certain provisions under the Investment chapter, including the minimum standard of treatment. It provides for the sale of certain financial services across borders to a TPP Party from a supplier in another TPP Party rather than requiring suppliers to establish operations in the other country in order to sell their service – subject to registration or authorization of cross-border financial services suppliers of another TPP Party in order to help assure appropriate regulation and oversight. A supplier of a TPP Party may provide a new financial service in another TPP market if domestic companies in that market are allowed

to do so. TPP Parties have country-specific exceptions to some of these rules in two annexes attached to the TPP: (1) current measures on which a Party accepts an obligation not to make its measures more restrictive in the future and to bind any future liberalization, and (2) measures and policies on which a country retains full discretion in the future.

TPP Parties also set out rules that formally recognize the importance of regulatory procedures to expedite the offering of insurance services by licensed suppliers and procedures to achieve this outcome. In addition, the TPP includes specific commitments on portfolio management, electronic payment card services, and transfer of information for data processing.

The Financial Services chapter provides for the resolution of disputes relating to certain provisions through neutral and transparent investment arbitration. It includes specific provisions on investment disputes related to the minimum standard of treatment, as well as provisions requiring arbitrators to have financial services expertise, and a special State-to-State mechanism to facilitate the application of the prudential exception and other exceptions in the chapter in the context of investment disputes. Finally, it includes exceptions to preserve broad discretion for TPP financial regulators to take measures to promote financial stability and the integrity of their financial system, including a prudential exception and exception of non-discriminatory measures in pursuit of monetary or certain other policies.

## **12. Temporary Entry for Business Persons**

The Temporary Entry for Business Persons chapter encourages authorities of TPP Parties to provide information on applications for temporary entry, to ensure that application fees are reasonable, and to make decisions on applications and inform applicants of decisions as quickly as possible. TPP Parties agree to ensure that information on requirements for temporary entry are readily available to the public, including by publishing information promptly and online if possible, and providing explanatory materials. The Parties agree to ongoing cooperation on temporary entry issues such as visa processing. Almost all TPP Parties have made commitments on access for each other's business persons, which are in country-specific annexes.

## **13. Telecommunications**

TPP Parties share an interest in ensuring efficient and reliable telecommunications networks in their countries. These networks are critical to companies both large and small for providing services. TPP's pro-competitive network access rules cover mobile suppliers. TPP Parties commit to ensure that major telecommunications services suppliers in their territory provide interconnection, leased circuit services, co-location, and access to poles and other facilities under reasonable terms and conditions and in a timely manner. They also commit, where a license is required, to ensure transparency in regulatory processes and that regulations do not generally discriminate against specific technologies. And they commit to administer their procedures for the allocation and use of scarce telecommunications resources, including frequencies, numbers and rights-of-way, in an objective, timely, transparent and non-discriminatory manner. TPP Parties recognize the importance of relying on market forces and commercial negotiations in the telecommunications sector. They also agree that they may take steps to promote competition in international mobile roaming services and facilitate the use of alternatives to roaming. TPP Parties agree that, if a Party chooses to regulate rates for wholesale international mobile roaming services, that Party shall permit operators from the TPP countries that do not regulate such rates the opportunity to also benefit from the lower rates.

## **14. Electronic Commerce**

In the Electronic Commerce chapter, TPP Parties commit to ensuring free flow of the global information and data that drive the Internet and the digital economy, subject to legitimate public policy objectives such as personal information protection. The 12 Parties also agree not to require that TPP companies build data centers to store data as a condition for operating in a TPP market, and, in addition, that source code of software is not required to be transferred or accessed. The chapter prohibits the imposition of customs duties on electronic transmissions, and prevents TPP Parties from favoring national producers or suppliers of such products through discriminatory measures or outright blocking. To protect consumers, TPP Parties agree to adopt and maintain consumer protection laws related to fraudulent and deceptive commercial activities online and to ensure that privacy and other consumer protections can be enforced in TPP markets. Parties also are required to have measures to stop unsolicited commercial electronic messages. To facilitate electronic commerce, the chapter includes provisions encouraging TPP Parties to promote paperless trading between businesses and the government, such as electronic customs forms; and providing for electronic authentication and signatures for commercial transactions. A number of obligations in this chapter are subject to relevant non-conforming measures of individual TPP members. The 12 Parties agree to cooperate to help small- and medium-sized business take advantage of electronic commerce, and the chapter encourages cooperation on policies regarding personal information protection, online consumer protection, cybersecurity threats and cybersecurity capacity.

## **15. Government Procurement**

TPP Parties share an interest in accessing each other's large government procurement markets through transparent, predictable, and non-discriminatory rules. In the Government Procurement chapter, TPP Parties commit to core disciplines of national treatment and non-discrimination. They also agree to publish relevant information in a timely manner, to allow sufficient time for suppliers to obtain the tender documentation and submit a bid, to treat tenders fairly and impartially, and to maintain confidentiality of tenders. In addition, the Parties agree to use fair and objective technical specifications, to award contracts based solely on the evaluation criteria specified in the notices and tender documentation, and to establish due process procedures to question or review complaints about an award. Each Party agrees to a positive list of entities and activities that are covered by the chapter, which are listed in annexes.

## **16. Competition Policy**

TPP Parties share an interest in ensuring a framework of fair competition in the region through rules that require TPP Parties to maintain legal regimes that prohibit anticompetitive business conduct, as well as fraudulent and deceptive commercial activities that harm consumers.

TPP Parties agree to adopt or maintain national competition laws that proscribe anticompetitive business conduct and work to apply these laws to all commercial activities in their territories. To ensure that such laws are effectively implemented, TPP Parties agree to establish or maintain authorities responsible for the enforcement of national competition laws, and adopt or maintain laws or regulations that proscribe fraudulent and deceptive commercial activities that cause harm or potential harm to consumers. Parties also agree to cooperate, as appropriate, on matters of mutual interest related to competition activities. The 12 Parties agree to obligations on due process and procedural fairness, as well as private rights of action for injury caused by a violation of a Party's national competition law. In addition, TPP Parties agree to cooperate in the

area of competition policy and competition law enforcement, including through notification, consultation and exchange of information. The chapter is not subject to the dispute settlement provisions of the TPP, but TPP Parties may consult on concerns related to the chapter.

### **17. State-Owned Enterprises (SOEs) and Designated Monopolies**

All TPP Parties have SOEs, which often play a role in providing public services and other activities, but TPP Parties recognize the benefit of agreeing on a framework of rules on SOEs. The SOE chapter covers large SOEs that are principally engaged in commercial activities. Parties agree to ensure that their SOEs make commercial purchases and sales on the basis of commercial considerations, except when doing so would be inconsistent with any mandate under which an SOE is operating that would require it to provide public services. They also agree to ensure that their SOEs or designated monopolies do not discriminate against the enterprises, goods, and services of other Parties. Parties agree to provide their courts with jurisdiction over commercial activities of foreign SOEs in their territory, and to ensure that administrative bodies regulating both SOEs and private companies do so in an impartial manner. TPP Parties agree to not cause adverse effects to the interests of other TPP Parties in providing non-commercial assistance to SOEs, or injury to another Party's domestic industry by providing non-commercial assistance to an SOE that produces and sells goods in that other Party's territory. TPP Parties agree to share a list of their SOEs with the other TPP Parties and to provide, upon request, additional information about the extent of government ownership or control and the non-commercial assistance they provide to SOEs. There are some exceptions from the obligations in the chapter, for example, where there is a national or global economy emergency, as well as country-specific exceptions that are set out in annexes.

### **18. Intellectual Property**

TPP's Intellectual Property (IP) chapter covers patents, trademarks, copyrights, industrial designs, geographical indications, trade secrets, other forms of intellectual property, and enforcement of intellectual property rights, as well as areas in which Parties agree to cooperate. The IP chapter will make it easier for businesses to search, register, and protect IP rights in new markets, which is particularly important for small businesses.

The chapter establishes standards for patents, based on the WTO's TRIPS Agreement and international best practices. On trademarks, it provides protections of brand names and other signs that businesses and individuals use to distinguish their products in the marketplace. The chapter also requires certain transparency and due process safeguards with respect to the protection of new geographical indications, including for geographical indications recognized or protected through international agreements. These include confirmation of understandings on the relationship between trademarks and geographical indications, as well as safeguards regarding the use of commonly used terms.

In addition, the chapter contains pharmaceutical-related provisions that facilitate both the development of innovative, life-saving medicines and the availability of generic medicines, taking into account the time that various Parties may need to meet these standards. The chapter includes commitments relating to the protection of undisclosed test and other data submitted to obtain marketing approval of a new pharmaceutical or agricultural chemicals product. It also reaffirms Parties' commitment to the WTO's 2001 Declaration on the TRIPS Agreement and Public Health, and in particular confirms that Parties are not prevented from taking measures to protect public health, including in the case of epidemics such as HIV/AIDS.



In copyright, the IP chapter establishes commitments requiring protection for works, performances, and phonograms such as songs, movies, books, and software, and includes effective and balanced provisions on technological protection measures and rights management information. As a complement to these commitments, the chapter includes an obligation for Parties to continuously seek to achieve balance in copyright systems through among other things, exceptions and limitations for legitimate purposes, including in the digital environment. The chapter requires Parties to establish or maintain a framework of copyright safe harbors for Internet Service Providers (ISPs). These obligations do not permit Parties to make such safe harbors contingent on ISPs monitoring their systems for infringing activity.

Finally, TPP Parties agree to provide strong enforcement systems, including, for example, civil procedures, provisional measures, border measures, and criminal procedures and penalties for commercial-scale trademark counterfeiting and copyright or related rights piracy. In particular, TPP Parties will provide the legal means to prevent the misappropriation of trade secrets, and establish criminal procedures and penalties for trade secret theft, including by means of cyber-theft, and for cam-cording.

## **19. Labour**

All TPP Parties are International Labour Organization (ILO) members and recognize the importance of promoting internationally recognized labour rights. TPP Parties agree to adopt and maintain in their laws and practices the fundamental labour rights as recognized in the ILO 1998 Declaration, namely freedom of association and the right to collective bargaining; elimination of forced labour; abolition of child labour and a prohibition on the worst forms of child labour; and elimination of discrimination in employment. They also agree to have laws governing minimum wages, hours of work, and occupational safety and health. These commitments also apply to export processing zones. The 12 Parties agree not to waive or derogate from laws implementing fundamental labour rights in order to attract trade or investment, and not to fail to effectively enforce their labour laws in a sustained or recurring pattern that would affect trade or investment between the TPP Parties. In addition to commitments by Parties to eliminate forced labour in their own countries, the Labour chapter includes commitments to discourage importation of goods that are produced by forced labour or child labour, or that contain inputs produced by forced labour, regardless of whether the source country is a TPP Party. Each of the 12 TPP Parties commits to ensure access to fair, equitable and transparent administrative and judicial proceedings and to provide effective remedies for violations of its labour laws. They also agree to public participation in implementation of the Labour chapter, including establishing mechanisms to obtain public input.

The commitments in the chapter are subject to the dispute settlement procedures laid out in the Dispute Settlement chapter. To promote the rapid resolution of labour issues between TPP Parties, the Labour chapter also establishes a labour dialogue that Parties may choose to use to try to resolve any labour issue between them that arises under the chapter. This dialogue allows for expeditious consideration of matters and for Parties to mutually agree to a course of action to address issues. The Labour chapter establishes a mechanism for cooperation on labour issues, including opportunities for stakeholder input in identifying areas of cooperation and participation, as appropriate and jointly agreed, in cooperative activities.

## **20. Environment**

As home to a significant portion of the world's people, wildlife, plants and marine species, TPP Parties share a strong commitment to protecting and conserving the environment, including by working together to address environmental challenges, such as pollution, illegal wildlife trafficking, illegal logging, illegal fishing, and protection of the marine environment. The 12 Parties agree to effectively enforce their environmental laws; and not to weaken environmental laws in order to encourage trade or investment. They also agree to fulfil their obligations under the Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES), and to take measures to combat and cooperate to prevent trade in wild fauna and flora that has been taken illegally. In addition, the Parties agree to promote sustainable forest management, and to protect and conserve wild fauna and flora that they have identified as being at risk in their territories, including through measures to conserve the ecological integrity of specially protected natural areas, such as wetlands. In an effort to protect their shared oceans, TPP Parties agree to sustainable fisheries management, to promote conservation of important marine species, including sharks, to combat illegal fishing, and to prohibit some of the most harmful fisheries subsidies that negatively affect overfished fish stocks, and that support illegal, unreported, or unregulated fishing. They also agree to enhance transparency related to such subsidy programs, and to make best efforts to refrain from introducing new subsidies that contribute to overfishing or overcapacity.

TPP Parties also agree to protect the marine environment from ship pollution and to protect the ozone layer from ozone depleting substances. They reaffirm their commitment to implement the multilateral environmental agreements (MEAs) they have joined. The Parties commit to provide transparency in environmental decision-making, implementation and enforcement. In addition, the Parties agree to provide opportunities for public input in implementation of the Environment chapter, including through public submissions and public sessions of the Environment Committee established to oversee chapter implementation. The chapter is subject to the dispute settlement procedure laid out in the Dispute Settlement chapter. The Parties further agree to encourage voluntary environmental initiatives, such as corporate social responsibility programs. Finally, the Parties commit to cooperate to address matters of joint or common interest, including in the areas of conservation and sustainable use of biodiversity, and transition to low-emissions and resilient economies.

## **21. Cooperation and Capacity Building**

The economies of the 12 TPP Parties are diverse. All Parties recognise that the TPP lesser-developed Parties may face particular challenges in implementing the Agreement, and in taking full advantage of the opportunities it creates. To address these challenges, the Cooperation and Capacity Building chapter establishes a Committee on Cooperation and Capacity Building to identify and review areas for potential cooperative and capacity building efforts. Parties' activities are on a mutually agreed basis and subject to the availability of resources. This Committee will facilitate exchange of information to help with requests related to cooperation and capacity building.

## **22. Competitiveness and Business Facilitation**

The Competitiveness and Business Facilitation chapter aims to help the TPP reach its potential to improve the competitiveness of the participating countries, and the Asia-Pacific region as a whole. The chapter creates formal mechanisms to review the impact of the TPP on competitiveness of the Parties, through dialogues among governments and between government,

business, and civil society, with a particular focus on deepening regional supply chains, to assess progress, take advantage of new opportunities, and address any challenges that may emerge once the TPP is in force. Among these will be the Committee on Competitiveness and Business Facilitation, which will meet regularly to review the TPP's impact on regional and national competitiveness, and on regional economic integration. The Committee will consider advice and recommendations from stakeholders on ways the TPP can further enhance competitiveness, including enhancing the participation of micro, small- and medium-sized enterprises in regional supply chains. The chapter also establishes a basic framework for Committee to assess supply chain performance under the Agreement, including ways to promote SME participation in supply chains; and review of stakeholder and expert input.

### **23. Development**

The TPP Parties seek to ensure that the TPP will be a high-standard model for trade and economic integration, and in particular to ensure that all TPP Parties can obtain the complete benefits of the TPP, are fully able to implement their commitments, and emerge as more prosperous societies with strong markets. The Development chapter includes three specific areas to be considered for collaborative work once TPP enters into force for each Party: (1) broad-based economic growth, including sustainable development, poverty reduction, and promotion of small businesses; (2) women and economic growth, including helping women build capacity and skill, enhancing women's access to markets, obtaining technology and financing, establishing women's leadership networks, and identifying best practices in workplace flexibility; and (3) education, science and technology, research, and innovation. The chapter establishes a TPP Development Committee, which will meet regularly to promote voluntary cooperative work in these areas and new opportunities as they arise.

### **24. Small- and Medium-Sized Enterprises**

TPP Parties have a shared interest in promoting the participation of small- and medium-sized enterprises in trade and to ensure that small- and medium-sized enterprises share in the benefits of the TPP. Complementing the commitments throughout other chapters of the TPP on market access, paperwork reduction, Internet access, trade facilitation, express delivery and others, the Small- and Medium-Sized Enterprise chapter includes commitments by each TPP Party to create a user-friendly websites targeted at small- and medium-sized enterprise users to provide easily accessible information on the TPP and ways small firms can take advantage of it, including description of the provisions of TPP relevant to small- and medium-sized enterprises; regulations and procedures concerning intellectual property rights; foreign investment regulations; business registration procedures; employment regulations; and taxation information. In addition, the chapter establishes a Small- and Medium-Sized Enterprises Committee that will meet regularly to review how well the TPP is serving small- and medium-sized enterprises, consider ways to further enhance its benefits, and oversee cooperation or capacity building activities to support small- and medium-sized enterprises through export counseling, assistance, and training programs for small- and medium-sized enterprises; information sharing; trade finance; and other activities.

### **25. Regulatory Coherence**

TPP's Regulatory Coherence chapter will help ensure an open, fair, and predictable regulatory environment for businesses operating in the TPP markets by encouraging transparency, impartiality, and coordination across each government to achieve a coherent regulatory

approach. The chapter aims to facilitate regulatory coherence in each TPP country by promoting mechanisms for effective interagency consultation and coordination for agencies. It encourages widely-accepted good regulatory practices, such as impact assessments of proposed regulatory measures, communication of the grounds for the selection of chosen regulatory alternatives and the nature of the regulation being introduced. The chapter also includes provisions to help ensure regulations are written clearly and concisely, that the public has access to information on new regulatory measures, if possible online, and that existing regulatory measures are periodically reviewed to determine if they remain the most effective means of achieving the desired objective. In addition, it encourages TPP Parties to provide an annual public notice of all regulatory measures it expects to take. Toward these ends, the chapter establishes a Committee which will give TPP countries, businesses, and civil society continuing opportunities to report on implementation, share experiences on best practices, and consider potential areas for cooperation. The chapter does not in any way affect the rights of TPP Parties to regulate for public health, safety, security, and other public interest reasons.

## **26. Transparency and Anti-Corruption**

The TPP's Transparency and Anti-Corruption chapter aims to promote the goal, shared by all TPP Parties, of strengthening good governance and addressing the corrosive effects bribery and corruption can have on their economies. Under the Transparency and Anti-Corruption chapter, TPP Parties need to ensure that their laws, regulations, and administrative rulings of general application with respect to any matter covered by the TPP are publicly available and that, to the extent possible, regulations that are likely to affect trade or investment between the Parties are subject to notice and comment. TPP Parties agree to ensure certain due process rights for TPP stakeholders in connection with administrative proceedings, including prompt review through impartial judicial or administrative tribunals or procedures. They also agree to adopt or maintain laws criminalising offering to, or solicitation of, undue advantages by a public official, as well as other acts of corruption affecting international trade or investment. Parties also commit to effectively enforce their anticorruption laws and regulations. In addition, they agree to endeavor to adopt or maintain codes or standards of conduct for their public officials, as well as measures to identify and manage conflicts of interest, to increase training of public officials, to take steps to discourage gifts, to facilitate reporting of acts of corruption, and to provide for disciplinary or other measures for public officials engaging in acts of corruption. In an Annex to this chapter, TPP Parties also agree to provisions that promote transparency and procedural fairness with respect to listing and reimbursement for pharmaceutical products or medical devices. Commitments in this annex are not subject to dispute settlement procedures.

## **27. Administrative and Institutional Provisions**

The Administrative and Institutional Provisions Chapter sets out the institutional framework by which the Parties will assess and guide implementation or operation of the TPP, in particular by establishing the Trans-Pacific Partnership Commission, composed of Ministers or senior level officials, to oversee the implementation or operation of the Agreement and guide its future evolution. This Commission will review the economic relationship and partnership among the Parties on a periodic basis to ensure that the Agreement remains relevant to the trade and investment challenges confronting the Parties. The chapter also requires each Party to designate an overall contact point to facilitate communications between the Parties, and creates a mechanism through which a Party that has a specific transition period for an obligation must

report on its plans for, and progress toward, implementing that obligation. This ensures greater transparency with respect to the implementation of Parties' obligations.

## **28. Dispute Settlement**

The Dispute Settlement chapter is intended to allow Parties to expeditiously address disputes between them over implementation of the TPP. TPP Parties will make every attempt to resolve disputes through cooperation and consultation and encourage the use of alternative dispute resolution mechanisms when appropriate. When this is not possible, TPP Parties aim to have these disputes resolved through impartial, unbiased panels. The dispute settlement mechanism created in this chapter applies across the TPP, with few specific exceptions. The public in each TPP Party will be able to follow proceedings, since submissions made in disputes will be made available to the public, hearings will be open to the public unless the disputing Parties otherwise agree, and the final report presented by panels will also be made available to the public. Panels will consider requests from non-governmental entities located in the territory of any disputing Party to provide written views regarding the dispute to panels during dispute settlement proceedings.

Should consultations fail to resolve an issue, Parties may request establishment of a panel, which would be established within 60 days after the date of receipt of a request for consultations or 30 days after the date of receipt of a request related to perishable goods. Panels will be composed of three international trade and subject matter experts independent of the disputing Parties, with procedures available to ensure that a panel can be composed even if a Party fails to appoint a panelist within a set period of time. These panelists will be subject to a code of conduct to ensure the integrity of the dispute settlement mechanism. They will present an initial report to the disputing Parties within 150 days after the last panelist is appointed or 120 days in cases of urgency, such as cases related to perishable goods. The initial report will be confidential, to enable Parties to offer comments. The final report must be presented no later than 30 days after the presentation of the initial report and must be made public within 15 days, subject to the protection of any confidential information in the report.

To maximize compliance, the Dispute Settlement chapter allows for the use of trade retaliation (*e.g.*, suspension of benefits), if a Party found not to have complied with its obligations fails to bring itself into compliance with its obligations. Before use of trade retaliation, a Party found in violation can negotiate or arbitrate a reasonable period of time in which to remedy the breach.

## **29. Exceptions**

The Exceptions Chapter ensures that flexibilities are available to all TPP Parties that guarantee full rights to regulate in the public interest, including for a Party's essential security interest and other public welfare reasons. This chapter incorporates the general exceptions provided for in Article XX of the General Agreement on Tariffs and Trade 1994 to the goods trade-related provisions, specifying that nothing in the TPP shall be construed to prevent the adoption or enforcement by a Party of measures necessary to, among other things, protect public morals, protect human, animal or plant life or health, protect intellectual property, enforce measures relating to products of prison labour, and measures relating to conservation of exhaustible natural resources.

The chapter also contains the similar general exceptions provided for in Article XIV of the General Agreement on Trade in Services with respect to the services trade-related provisions.

The chapter includes a self-judging exception, applicable to the entire TPP, which makes clear that a Party may take any measure it considers necessary for the protection of its essential security interests. It also defines the circumstances and conditions under which a Party may impose temporary safeguard measures (such as capital controls) restricting transfers – such as contributions to capital, transfers of profits and dividends, payments of interest or royalties, and payments under a contract – related to covered investments, to ensure that governments retain the flexibility to manage volatile capital flows, in the contexts of balance of payments or other economic crises, or threats thereof. In addition, it specifies that no Party is obligated to furnish information under the TPP if it would be contrary to its law or public interest, or would prejudice the legitimate commercial interests of particular enterprises. A Party may elect to deny the benefits of Investor-State dispute settlement with respect to a claim challenging a tobacco control measure of the Party.

### **30. Final Provisions**

The Final Provisions chapter defines the way the TPP will enter into force, the way in which it can be amended, the rules that establish the process for other States or separate customs territories to join the TPP in the future, the means by which Parties can withdraw, and the authentic languages of the TPP. It also designates a Depositary for the Agreement responsible for receiving and disseminating documents.

The chapter ensures that the TPP can be amended, with the agreement of all Parties and after each Party completes its applicable legal procedures and notifies the Depositary in writing. It specifies that the TPP is open to accession by members of the Asia-Pacific Economic Cooperation Forum and other States or separate customs territories as agreed by the Parties, again after completing applicable legal procedures in each Party. The Final Provisions chapter also specifies the procedures under which a Party can withdraw from the TPP.